

## **NỘI DUNG BÀI TÔN TRỌNG LỄ PHẢI**

### **1. Lễ phải, tôn trọng lễ phải**

- Lễ phải: là những điều đúng đắn phù hợp với đạo lý và lợi ích của xã hội.
- Tôn trọng lễ phải:
  - + Bảo vệ, công nhận, tuân theo và ủng hộ những điều đúng đắn,
  - + Biết điều chỉnh hành vi của mình theo hướng tích cực,
  - + Không chấp nhận và không làm những điều sai trái ...

### **2. Biểu hiện**

- Chấp hành tốt nội quy nơi sống làm việc và học tập

### **3. Ý nghĩa.**

- Tôn trọng lễ phải giúp con người có cách cư xử phù hợp.
- Làm lành mạnh mối quan hệ xã hội, thúc đẩy xã hội phát triển.

## **NỘI DUNG BÀI LIÊM KHIẾT**

### **1) Khái niệm:**

Liêm khiết là một phẩm chất đạo đức của con người thể hiện lối sống trong sạch, không hám danh không bận tâm toan tính nhỏ nhen ích kỷ.

### **2) Ý nghĩa:**

Sống Liêm khiết sẽ làm cho con người thanh thản, nhận được sự quý trọng tin cậy của mọi người .

### **3) Rèn luyện như thế nào?**

- Rèn luyện bản thân sống liêm khiết.
- Làm giàu bằng chính sức lao động của mình
- Không tham ô, tham nhũng, hám danh lợi.

**BÀI KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN**  
*(Học sinh làm và gửi lại giáo viên giao nhận)*

**Chọn đáp án đúng nhất.**

**Câu 1:** Những điều được cho là đúng đắn, phù hợp với đạo lý và lợi ích chung của xã hội được gọi là?

- A. Khiêm tốn.
- B. Lễ phải.
- C. Công bằng.
- D. Trung thực

**Câu 2:** Hành vi nào sau đây thể hiện rõ nhất sự tôn trọng lễ phải?

- A. Thấy bất kể việc gì có lợi cho mình cũng phải làm bằng được.
- B. Luôn bảo vệ mọi ý kiến của mình.
- C. Lắng nghe ý kiến của mọi người để tìm ra điều hợp lí.
- D. Luôn luôn tán thành và làm theo số đông.

**Câu 3:** Các hành vi: Chơi ma túy, dùng thuốc lắc, buôn bán các chất gây nghiện là những hành vi như thế nào?

- A. Không tôn trọng lễ phải.
- B. Tôn trọng lễ phải.
- C. Sống thực dụng.
- D. Sống vô cảm.

**Câu 4:** Câu thành ngữ: “Đói cho sạch, rách cho thơm” nói về đức tính gì?

- A. Liêm khiết.

B. Trung thực.

C. Tiết kiệm.

D. Cần cù.

**Câu 5:** Không hám danh, hám lợi, không nhỏ nhen, ích kỉ được gọi là?

A. Liêm khiết.

B. Công bằng.

C. Lẽ phải.

D. Khiêm tốn.

**Câu 6:** Biểu hiện của liêm khiết là?

A. Giáo viên không nhận phong bì của học sinh và phụ huynh.

B. Công an từ chối nhận phong bì của người vi phạm.

C. Bác sĩ không nhận phong bì của bệnh nhân.

D. Cả A ,B, C.

**Câu 7:** Sống liêm khiết có ý nghĩa như thế nào đối với mỗi người?

Giúp cho con người cảm thấy thanh thản.

Nhận được sự quý trọng, tin cậy của mọi người.

Làm cho xã hội trong sạch, tốt đẹp hơn.

Cả A, B, C.

**Câu 8:** Trong giờ kiểm tra, bạn A sử dụng tài liệu bị B phát hiện. Bạn B đã gõ bàn nhắc nhở A, nhưng A vẫn tiếp tục sử dụng tài liệu. Trong tình huống này em sẽ làm gì?

[illegible]

**ĐỀ KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN  
MÔN MĨ THUẬT LỚP 8**

*Thời gian: 20 phút*

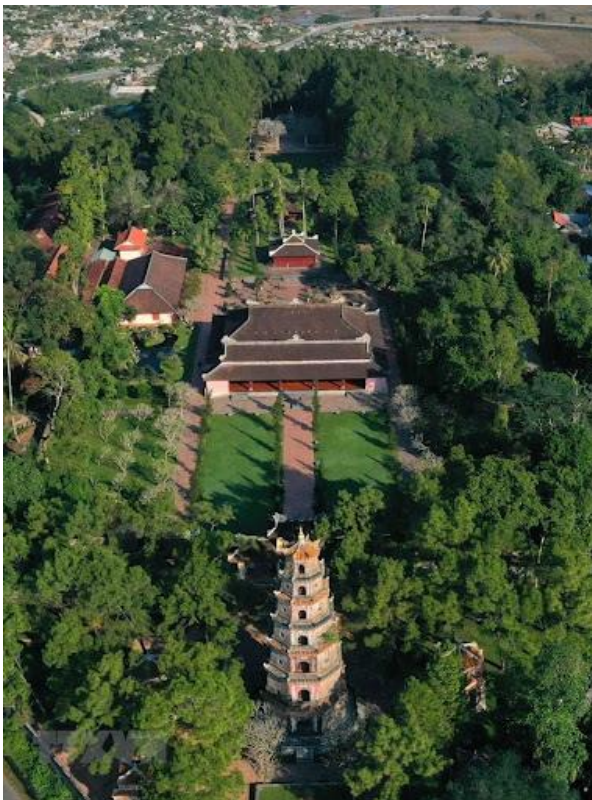
**HS TRẢ LỜI ĐỦ 10 CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM (chọn đáp án đúng nhất)**

**Câu 1: Quan sát hình ảnh và cho biết tên công trình kiến trúc?**



- A. Văn Miếu Quốc Tử Giám
- B. Điện Cần Chánh
- C. Cung điện Kính Thiên

**Câu 2: Quan sát hình ảnh và cho biết tên công trình kiến trúc?**



- A. Chùa Thiên Mụ
- B. Chùa Bút Tháp
- C. Khu cung điện Lam Kinh

**Câu 3: Các dòng tranh dân gian nào đã ra đời trong giai đoạn mỹ thuật nhà Lê?**

- A. Dòng tranh khắc gỗ Đông Hồ.**
- B. Tranh Hàng Trống.**
- C. Cả 2 đáp án đều đúng.**
- D. Cả 2 đáp án đều sai.**

**Câu 4: Em hãy cho biết chùa Keo được xây dựng ở đâu? Được xây dựng vào thời gian nào?**



- A. Chùa Keo ở huyện Vũ Thư (Thái Bình), xây dựng từ thời Lý và được nhà Lê tu sửa vào TK XVII**
- B. Chùa Keo ở huyện Vũ Thư (Thái Bình), xây dựng vào năm 1630 - 1632**
- C. Cả hai đáp án trên đều đúng.**

**Câu 5: Bên trong chùa Keo có bao nhiêu công trình kiến trúc nối tiếp nhau theo đường trục?**

- A. 4 (Tam quan nội - khu Tam Bảo thờ Phật - khu điện thờ thánh - Gác chuông)**
- B. 3 (Tam quan nội - khu Tam Bảo thờ Phật - khu điện thờ thánh)**
- C. 5 (Tam quan nội - khu Tam Bảo thờ Phật - khu điện thờ thánh - Gác chuông - khu sân với tường bao quanh 4 phía)**
- D. 2 (khu Tam Bảo thờ Phật - Gác chuông)**

**Câu 6: Tượng Phật Bà Quan Âm nghìn mắt nghìn tay có 42 cánh tay lớn và 952 cánh tay nhỏ, mỗi lòng bàn tay có điêu khắc 1 con mắt mang ý nghĩa gì?**



- A. Hiện thân của sự thấu hiểu nỗi khổ và cứu độ chúng sinh trong Phật pháp.**
- B. Tăng tính thẩm mỹ cho pho tượng**
- C. Cả hai đáp án trên đều đúng.**
- D. Cả 2 đáp án đều sai.**

**Câu 7: Tượng Phật Bà Quan Âm nghìn mắt nghìn tay do nghệ nhân nào tạc nên và tạc trong thời gian bao lâu?**

- A. Nghệ nhân họ Trương tên Thọ Lam tạc nên - tạc trong khoảng thời gian là 10 năm
- B. Nghệ nhân họ Trương tên Thọ Lam tạc nên - tạc trong khoảng thời gian là 8 năm
- C. Nghệ nhân họ Trương tên Thọ Lam tạc nên - tạc trong khoảng thời gian là 6 năm
- D. Nghệ nhân họ Trương tên Thọ Lam tạc nên - tạc trong khoảng thời gian là 4 năm

**Câu 8: Em hãy quan sát hình ảnh và miêu tả đặc điểm Rồng thời Lê?**



- A. Thân hình ốm, uyển chuyển mềm mại, trông rất hiền hòa.
- B. Con Rồng Lê mang dáng vẻ mạnh mẽ, khỏe khoắn, trông rất dữ tợn.

**Câu 9: Em hãy quan sát hình ảnh và giới thiệu về nghệ thuật gốm thời Lê?**



Nhóm bình, lọ men trắng thời Lê Sơ, TK 15



Nhóm đồ sứ hoa lam cao cấp trang trí rồng, phượng  
Đồ ngự dụng, thời Lê Sơ TK 15

- A. Gốm thời Lê kế thừa những tinh hoa của Gốm thời Lý, Trần.
- B. Phát triển được nhiều loại men quý hiếm như: Men ngọc, hoa nâu, men trắng, men xanh...
- C. Đề tài trang trí rất phong phú mang đậm nét dân gian hơn nét cung đình.
- D. Tất cả đáp án trên đều đúng.

**Câu 10: Em hãy nêu đặc điểm của mỹ thuật thời Lê?**

- A.** Mỹ thuật thời Lê kế thừa những tinh hoa của mỹ thuật thời Lý, Trần.
- B.** Mang tính dân gian đậm đà bản sắc dân tộc.
- C.** Đạt đến đỉnh cao về nội dung lẫn hình thức thể hiện.
- D.** Tất cả đáp án trên

*(Đề kiểm tra có 04 trang)*

***Chúc các em làm bài tốt và đạt kết quả cao!!!***

Ngày 18 tháng 9 năm 2021

**GVB**

**Nguyễn Thị Thanh Lan**

Họ tên HS: ..... Lớp: .....

**Phiếu học tập số 1 - CÔNG NGHỆ - LỚP 8**

**Bài 8 : HÌNH CẮT**

**I. Khái niệm về hình cắt :** (H8.2/sgk)

- Để biểu diễn các bộ phận bên trong bị che khuất của vật thể, trên bản vẽ kỹ thuật thường dùng .....
- Hình cắt là hình biểu diễn ..... ở sau mặt phẳng cắt (khi giả sử cắt vật thể).

**II. công dụng của hình cắt :**

- Hình cắt dùng để biểu diễn rõ hơn hình dạng ..... của vật thể. Phần vật thể bị mặt phẳng cắt cắt qua được ..... (H8.2d)
- Trên bản vẽ kỹ thuật thường dùng ..... để biểu diễn hình dạng bên trong của vật thể.

Họ tên HS: ..... Lớp: .....

**Phiếu học tập số 2**

**Em hãy trả lời các câu hỏi sau :**

1. Thế nào là hình cắt ?
2. Hình cắt dùng để làm gì ?

## Bài 8

KHÁI NIỆM VỀ BẢN VẼ KỸ THUẬT  
HÌNH CẮT

1. Biết được một số khái niệm về bản vẽ kỹ thuật.
2. Biết được khái niệm và công dụng của hình cắt.

## I - KHÁI NIỆM VỀ BẢN VẼ KỸ THUẬT

Như đã biết, bản vẽ kỹ thuật là tài liệu kỹ thuật chủ yếu của sản phẩm. Nó được các bản vẽ kỹ thuật được vẽ bằng tay, bằng dụng cụ vẽ hoặc bằng sự trợ giúp của máy tính điện tử.

## II - KHÁI NIỆM VỀ HÌNH CẮT

Bản vẽ kỹ thuật nói chung, được xây dựng trên cơ sở phương pháp các hình chiếu vuông góc đã học ở chương I. Tuy nhiên, để biểu diễn một cách rõ ràng các bộ phận bên trong bị che khuất của vật thể, trên

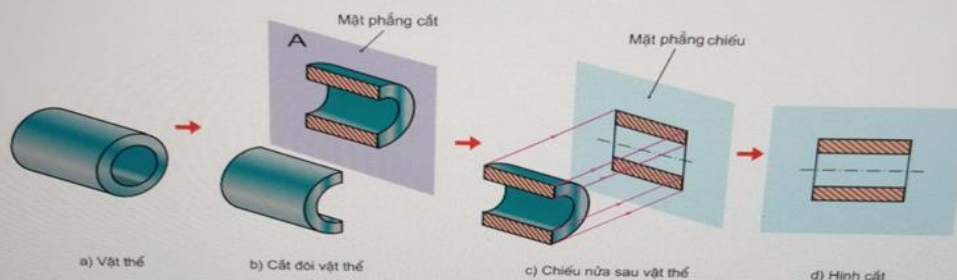


Hình 8.1. Quả cam được bổ đôi

29

bản vẽ kỹ thuật thường dùng phương pháp *hình cắt*. Phương pháp này giống như việc bổ đôi quả cam để quan sát các phần bên trong của nó (h.8.1).

Hãy quan sát các hình 8.2a, b, c, d và cho biết hình cắt của ống lót được vẽ như thế nào ?

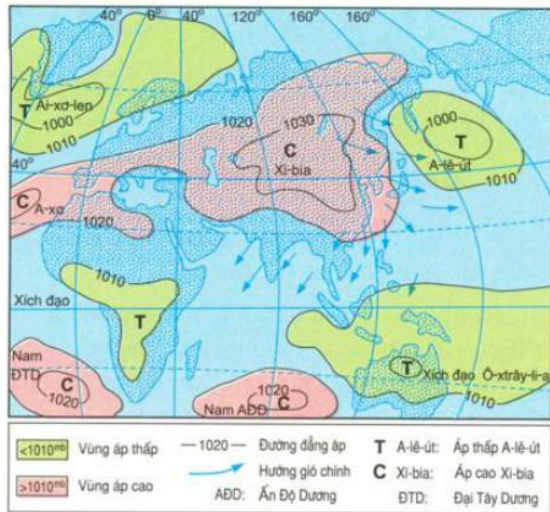


Hình 8.2. Hình cắt của ống lót

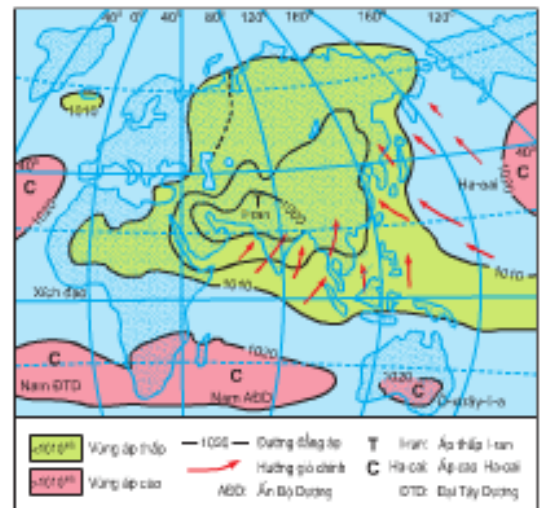
Hình cắt là hình biểu diễn phần vật thể ở sau mặt phẳng cắt (khi giả sử cắt vật thể).

Hình cắt dùng để biểu diễn rõ hơn hình dạng bên trong của vật thể. Phần vật thể bị mặt phẳng cắt cắt qua được kẻ gạch gạch (h.8.2d).

## Bài 4: THỰC HÀNH PHÂN TÍCH HOÀN LƯU GIÓ MÙA Ở CHÂU Á



Hình 4.1. Lược đồ phân bố khí áp và các hướng gió chính về mùa đông (tháng 1) ở khu vực khí hậu gió mùa châu Á



Hình 4.2. Lược đồ phân bố khí áp và hướng gió chính về mùa hạ (tháng 7) ở khu vực khí hậu gió mùa châu Á

**Quan sát hai hình 4.1 và 4.2 hãy cho Biết:**

- Các trung tâm áp cao và áp thấp về mùa đông( tháng 1) ?
- Các trung tâm áp cao và áp thấp về mùa hạ (tháng 7)?
- Quan sát hình 4.1 và 4.1 hoàn thành bản sau:

| Mùa             | Khu vực    | Hướng gió chính | Từ áp cao.....<br>đến áp thấp ..... |
|-----------------|------------|-----------------|-------------------------------------|
| <b>Mùa đông</b> | Đông Á     |                 |                                     |
|                 | Đông Nam Á |                 |                                     |
|                 | Nam Á      |                 |                                     |
| <b>Mùa hạ</b>   | Đông Á     |                 |                                     |
|                 | Đông Nam Á |                 |                                     |
|                 | Nam Á      |                 |                                     |

## TIẾT 4 – BÀI 4: GIỮA CHỮ TÍN

### NỘI DUNG TRỌNG TÂM

#### I. Đặt vấn đề.

\* *Bài học* : Chúng ta phải biết giữ chữ tín, giữ lời hứa, có trách nhiệm với việc làm. Giữ chữ tín sẽ được mọi người tin yêu và quý trọng.

- Làm tốt công việc được giao , giữ lời hứa, đúng hẹn , lời nói đi đôi với việc làm , không gian dối.
- Giữ lời hứa là quan trọng nhất , song bên cạnh đó còn những biểu hiện như kết quả công việc , chất lượng sản phẩm , sự tin cậy.

#### II. Nội dung bài học .

##### 1. *Giữ chữ tín.*

- Coi trọng lòng tin của người khác đối với mình, biết trọng lời hứa và biết tin tưởng nhau.

##### 2. *ý nghĩa của việc giữ chữ tín.*

- Được mọi người tin cậy, tín nhiệm, tin yêu. Giúp mọi người đoàn kết và hợp tác.

##### 3. *Cách rèn luyện .*

- Làm tốt nghĩa vụ của mình
- Hoàn thành nhiệm vụ
- Giữ lời hứa, đúng hẹn
- Giữ lòng tin.

## II. BÀI TẬP VẬN DỤNG

**Trong những tình huống sau: Theo em, tình huống nào biểu hiện hành vi giữ chữ tín (hoặc không giữ chữ tín) và giải thích tại sao?**

- a) Minh hứa với bố mẹ Quang và cô giáo là sẽ giúp đỡ Quang học tập tiến bộ. Vì thế những bài tập nào mà Quang không làm được thì Minh đến làm hộ và đưa cho Quang chép
- b) Bố Trung hứa đến sinh nhật Trung sẽ đưa em đi chơi công viên, nhưng vì phải đi công tác đột xuất nên bố không thực hiện được lời hứa của mình.
- c) Nam cho rằng, nếu có khuyết điểm thì cần phải thật thà nhận lỗi và cứ hứa sửa chữa, còn làm được đến đâu lại là chuyện khác
- d) Lan mượn Trang cuốn sách và hứa hai hôm sau sẽ trả nhưng vì chưa đọc xong nên Lan cho rằng: cứ giữ lại khi nào đọc xong thì trả cho Trang cũng được.



**TRƯỜNG THCS HÀ HUY TẬP**

**GVTH: Nguyễn Thị Thanh Lan**

**Khối 8**

**Tuần lễ từ: 27/9 – 02/10/2021**

**CHỦ ĐỀ : TINH HOA MĨ THUẬT TRUYỀN THỐNG NGƯỜI VIỆT**

***TIẾT 4: MỘT SỐ TÁC GIẢ, TÁC PHẨM TIÊU BIỂU CỦA***

***MĨ THUẬT VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 1954 - 1975***

*(Bài 14, SGK MT8/117)*

---

**A. MỤC TIÊU:**

- Nhận biết được một số họa sĩ tiêu biểu của mỹ thuật Việt Nam giai đoạn 1954 - 1975.
- Cảm nhận được vẻ đẹp và giá trị của mỹ thuật Việt Nam giai đoạn 1954 - 1975. Có ý thức trân trọng, bảo tồn và phát triển văn hoá nghệ thuật Việt Nam.
- Biết yêu quý và bảo vệ những tác phẩm hội họa mang giá trị nghệ thuật của họa sĩ tiêu biểu Việt Nam giai đoạn 1954 - 1975.

**B. HỌC SINH CHUẨN BỊ:**

- SGK, tập, bút.
- Tài liệu học tập có liên quan.

**C. NỘI DUNG BÀI HỌC:**

**\* Kiểm tra bài cũ:**

Câu 1: Em hãy quan sát và cho biết tên tác phẩm này?

- A. Tát nước đồng chiêm
- B. Bữa cơm mùa thắng lợi



Câu 2: Tác phẩm Bình minh trên nông trang của họa sĩ nào:

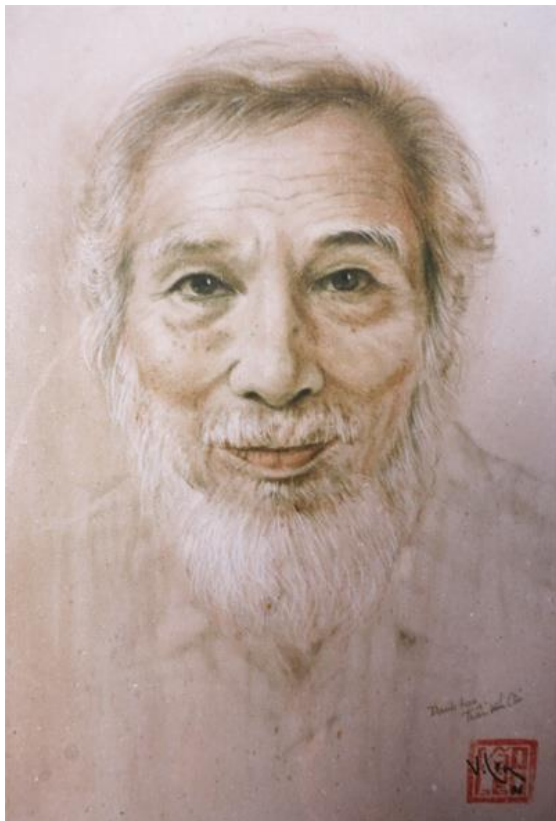
- A. Nguyễn Đức Nùng
- B. Phan Kế An



**I. Họa sĩ Trần Văn Cẩn với bức tranh sơn mài *Tát nước đồng chiêm*:**

- HS xem nội dung và trả lời câu hỏi (trang 117,118 SGK MT 8).

**a. Tìm hiểu về tiểu sử họa sĩ Trần Văn Cẩn:**



- **Câu hỏi gợi mở:**

+ Họa sĩ Trần Văn Cẩn sinh ngày tháng năm nào?

.....

+ Nêu tên 3 tác phẩm hội họa của họa sĩ Trần Văn Cẩn mà em tìm hiểu được ?

.....

.....

+ Họa sĩ Trần Văn Cẩn được nhà nước trao tặng giải thưởng gì?

.....

.....

***Chân dung họa sĩ Trần Văn Cẩn***

**b. Tìm hiểu tác phẩm Tát nước đồng chiêm:**



*Tác phẩm Tát nước đồng chiêm*

**- Câu hỏi gợi mở:**

+ Tác phẩm Tát nước đồng chiêm được sáng tác năm nào? Chất liệu gì?

.....

.....

+ Nội dung bức tranh thể hiện điều gì?

.....

.....

.....

**- Tóm tắt nội dung:**

\* **Tiểu sử:** HS Trần Văn Cẩn sinh năm 1910 – 1994, tại Kiến An-Hải Phòng.

+ **Tốt nghiệp trường cao đẳng Mỹ thuật Đông Dương.**

+ Ông tham gia cách mạng và nghiên cứu về kỹ thuật sơn ta, thử nghiệm thành công tranh sơn mài với sơn son, vỏ trứng.

+ **Đề tài khai thác:** cuộc sống lao động và học tập hàng ngày của người dân miền Bắc.

+ **Được Nhà nước trao tặng giải thưởng Hồ Chí Minh về Văn học - Nghệ Thuật.**

+ **Tác phẩm tiêu biểu:** Nữ dân quân miền biển, con đọc bầm nghe, mùa đông sắp đến...

\* **Tác phẩm Tát nước đồng chiêm:** ra đời 1958, chất liệu sơn mài, nội dung thể hiện cuộc sống lao động tập thể của người nông dân sau hòa bình lập lại.

**II. Họa sĩ Nguyễn Sáng với bức tranh Kết nạp Đảng ở Điện Biên Phủ:**

- HS xem nội dung và trả lời câu hỏi (trang 118,119 SGK MT 8)

**a. Tìm hiểu về tiểu sử họa sĩ Nguyễn Sáng:**



**Chân dung họa sĩ Nguyễn Sáng**

**- Câu hỏi gợi mở:**

+ Họa sĩ Nguyễn Sáng sinh ngày tháng năm nào?

.....

+ Nêu tên 3 tác phẩm hội họa của họa sĩ Nguyễn Sáng mà em tìm hiểu được ?

.....

.....

.....

+Họa sĩ Nguyễn Sáng được nhà nước trao tặng giải thưởng gì?

.....

.....

**b. Tìm hiểu tác phẩm Kết nạp Đảng ở Điện Biên Phủ:**



**Tác phẩm Kết nạp Đảng ở Điện Biên Phủ**

- **Câu hỏi gợi mở:**

+ Tác phẩm *Kết nạp Đảng ở Điện Biên Phủ* được sáng tác năm nào? Chất liệu gì?

.....

.....

+ Nội dung bức tranh thể hiện điều gì ?

.....

.....

- **Tóm tắt nội dung:**

\* **Tiểu sử:** HS Nguyễn Sáng sinh năm 1923 – 1988, tại Mĩ Tho – Tiền Giang.

+ **Tốt nghiệp trường trung cấp MT Gia Định và trường cao đẳng MT Đông Dương**

+ **Ông tham gia cách mạng với nhiều chiến dịch và hoạt động sáng tác tranh.**

+ **Đề tài khai thác: Hoạt động của các chiến sĩ cách mạng...**

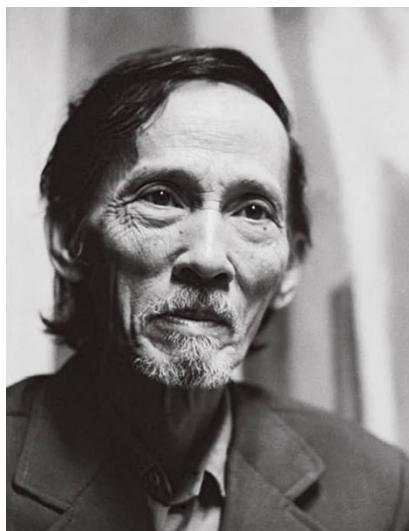
+ **Được Nhà nước trao tặng giải thưởng Hồ Chí Minh về Văn học-Nghệ Thuật.**

+ **Tác phẩm tiêu biểu: Giặc đốt làng tôi, thanh niên thành đồng, kết nạp Đảng ở Điện Biên Phủ...**

\* **Tác phẩm *Kết nạp Đảng ở Điện Biên Phủ*: ra đời 1963, chất liệu sơn mài, nội dung diễn tả lễ kết nạp Đảng trong chiến hào, thể hiện chất hào hùng và lý tưởng cao đẹp của người Đảng viên.**

### **III. Họa sĩ Bùi Xuân Phái với các bức tranh Phố cổ Hà Nội:**

- HS xem nội dung và trả lời câu hỏi (trang 120,121 SGK MT 8)



#### **a. Tìm hiểu về tiểu sử họa sĩ Bùi Xuân Phái:**

- **Câu hỏi gợi mở:**

+ **Họa sĩ Bùi Xuân Phái sinh ngày tháng năm nào?**

.....

+ **Nêu tên các tác phẩm hội họa của họa sĩ Bùi Xuân Phái mà em tìm hiểu được ?**

.....

.....



*Phố cổ - Bùi Xuân Phái*

**- Câu hỏi gợi mở:**

+ Nhận xét về màu sắc và bố cục tranh phố cổ Bùi Xuân Phái?

.....  
.....

+ Nội dung bức tranh thể hiện điều gì ?

.....  
.....

**- Tóm tắt nội dung:**

**\* Tiểu sử:** HS Bùi Xuân Phái sinh năm 1920 – 1988, tại Quốc Oai - Hà Tây.

+ **Tốt nghiệp trường cao đẳng MT Đông Dương.**

+ **Ông tham gia cách mạng, hoạt động giảng dạy và hoạt động sáng tác tranh.**

+ **Đề tài khai thác: Phố cổ Hà Nội, phong cảnh, diễn viên chèo, chân dung bạn.**

+ **Được Nhà nước trao tặng giải thưởng Hồ Chí Minh về Văn học-Nghệ Thuật.**

+ **Tác phẩm tiêu biểu: loạt tranh về phố cổ Hà Nội.**

*\* Các tác phẩm phổ cổ: chất liệu sơn dầu, nội dung diễn tả vẻ đẹp của phố cổ Hà Nội qua những thăng trầm của lịch sử.*

**D. DẶN DÒ:**

**Bài tập:**

- Đọc lại nội dung bài: **MỘT SỐ TÁC GIẢ, TÁC PHẨM TIÊU BIỂU CỦA MĨ THUẬT VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 1954 - 1975 ”**
- Sưu tầm hình ảnh liên quan đến mỹ thuật Việt Nam 1954 - 1975, in và dán vào tập.

**Nội dung ghi chép trong tập:**

- In nội dung bài và dán vào tập.

**Chuẩn bị bài mới:**

**Bài 5: Vẽ tĩnh vật LỌ HOA VÀ QUẢ**

- + Tập, SGK MT8 , tài liệu học tập có liên quan, bút...
- + Giấy A4, màu vẽ...

*Chúc các em học tập thật tốt*

.....*Hết*.....

## TRƯỜNG THCS HÀ HUY TẬP

### Ngữ văn 8

## **CHỦ ĐỀ 2: HÌNH TƯỢNG NGƯỜI NÔNG DÂN TRƯỚC CÁCH MẠNG THÁNG TÁM**

### **Tiết 13 - 14: Văn bản: LÃO HẠC**

(Nam Cao)

**Học sinh đọc kĩ văn bản “Lão Hạc” Sgk/38 -> 45 và chuẩn bị trả lời các câu hỏi sau:**

1. Trình bày những hiểu biết của em về tác giả Nam Cao?
2. Cho biết văn bản thuộc thể loại và phương thức biểu đạt nào?
3. Theo em văn bản được chia làm mấy phần? Nêu nội dung chính của từng phần?
4. Phân tích diễn biến tâm trạng của lão Hạc xung quanh việc bán chó (cậu Vàng)? Qua đó, em thấy lão Hạc là người như thế nào?
5. Tình cảnh của lão Hạc trước khi chết ra sao? Nguyên nhân dẫn đến cái chết của lão? Từ đó em suy nghĩ gì về tính cách của lão Hạc?
6. Em nghĩ gì về cái chết của lão Hạc? Vì sao lão Hạc chọn cái chết khổ sở như vậy? Theo em bị kịch về cái chết của lão Hạc tác động đến người đọc như thế nào?
7. Truyện ngắn có tác động lên án xã hội cũ điều gì?
8. Em hiểu gì về suy nghĩ của ông giáo: “Không! Cuộc đời chưa hẳn đã buồn, hay vẫn đáng buồn nhưng lại đáng buồn theo nghĩa khác” ?
9. Em học tập được gì về nghệ thuật kể chuyện của nhà văn Nam Cao?
- 10 \* Qua đoạn trích “Tức nước vỡ bờ” và truyện ngắn “Lão Hạc”, em hiểu thế nào về cuộc sống và phẩm chất của người nông dân trong xã hội cũ?

## **Tiết 15: TỪ NGỮ ĐỊA PHƯƠNG VÀ BIỆT NGỮ XÃ HỘI**

**Phần 1. Học sinh đọc bài “Từ ngữ địa phương và biệt ngữ xã hội” Sgk/56 -> 59 và chuẩn bị trả lời các câu hỏi sau:**

### **I. Từ ngữ địa phương.**

HS đọc ví dụ Sgk/56, chú ý từ in đậm.

1. Ba từ: bắp, bẹ, ngô ở đây đều có nghĩa là “ngô”. Trong ba từ này, từ nào được dùng phổ biến hơn? Vì sao?
2. Hai từ “bắp, bẹ” nếu chưa được giải thích thì khi đọc em có hiểu được không? Vì sao?
3. Trong ba từ trên từ “bắp, bẹ” là từ ngữ địa phương, từ “ngô” là từ toàn dân. Vậy từ ngữ địa phương có gì khác với từ ngữ toàn dân?
4. Tìm một số từ ngữ địa phương mà em biết và nêu từ toàn dân tương ứng?

## **II. Biệt ngữ xã hội.**

HS đọc ví dụ a (mục II).

1. Trong đoạn văn, các từ “mẹ, mợ” chỉ mấy đối tượng?
2. Tại sao có chỗ tác giả dùng từ “mẹ”, có chỗ lại dùng từ “mợ”?
3. Trong hai từ, từ nào là từ toàn dân?
4. Trước Cách mạng tháng Tám, tầng lớp xã hội nào ở nước ta, mẹ được gọi bằng mợ, cha được gọi bằng cậu ?

HS đọc ví dụ b, chú ý từ in đậm.

5. Các từ “ngỗng, trúng tử” có nghĩa là gì? Tầng lớp nào thường dùng các từ ngữ này?
6. Theo em, thế nào là biệt ngữ xã hội ?

## **III. Sử dụng từ ngữ địa phương và biệt ngữ xã hội.**

HS đọc ví dụ ở mục III.2. Nêu yêu cầu:

1. Khi đọc 2 ví dụ này, em có thể hiểu ngay nội dung của nó không? Vì sao?
2. Vậy khi sử dụng từ địa phương và biệt ngữ xã hội cần chú ý điều gì ?
3. Tại sao trong các đoạn văn, đoạn thơ đó, tác giả vẫn dùng một số từ ngữ địa phương và biệt ngữ xã hội?
4. Có nên sử dụng những lớp từ này một cách tùy tiện không? Tại sao?

**Phần 2. Học sinh xem trước các bài tập: Bài 1, 2, 3 Sgk/58,59.**

## **Tiết 16 : LIÊN KẾT CÁC ĐOẠN VĂN TRONG VĂN BẢN.**

**Phần 1. Hs đọc bài “Liên kết các đoạn văn trong văn bản” Sgk/50->53 và chuẩn bị trả lời các câu hỏi sau:**

### **I. Tác dụng của việc liên kết các đoạn văn trong văn bản.**

Hs đọc ví dụ và nêu các yêu cầu:

1. Hai đoạn văn sau đây có mối liên hệ gì không? Tại sao?
2. Cụm từ “trước đó mấy hôm” bổ sung ý nghĩa gì cho đoạn văn thứ hai?
3. Theo em, với cụm từ trên, hai đoạn văn đã liên hệ với nhau như thế nào?
4. Cụm từ trước đó mấy hôm là phương tiện liên kết đoạn. Hãy cho biết tác dụng của việc liên kết đoạn trong văn bản.

### **II. Cách liên kết các đoạn văn trong văn bản.**

1. Hai đoạn văn trên có liệt kê hai khâu của quá trình lĩnh hội và cảm thụ văn học, đó là những khâu nào?
2. Tìm các từ ngữ liên kết trong hai đoạn văn trên?
3. Em hãy kể tiếp các phương tiện liên kết có quan hệ liệt kê?
4. Phân tích quan hệ ý nghĩa giữa hai đoạn văn trên? Tìm từ ngữ liên kết trong hai đoạn văn đó?
5. Em hãy kể tiếp các phương tiện liên kết đoạn có ý nghĩa đối lập?
6. Từ “đó” thuộc từ loại nào? “Trước đó” là khi nào? Hãy kể tiếp các chỉ từ, đại từ dùng làm liên kết?
7. Phân tích mối quan hệ ý nghĩa giữa hai đoạn văn? Tìm từ ngữ liên kết hai đoạn văn đó? Hãy kể tiếp các phương tiện liên kết mang ý nghĩa tổng kết, khái quát?

**Phần 2. Học sinh xem trước các bài tập: Bài 1, 2, 3 Sgk/53 -> 55.**

## **NỘI DUNG BÀI HỌC**

### **CHỦ ĐỀ 2: HÌNH TƯỢNG NGƯỜI NÔNG DÂN TRƯỚC CÁCH MẠNG THÁNG TÁM**

#### **Tiết 13 - 14: Văn bản: LÃO HẠC**

(Nam Cao)

#### **I. Đọc – Hiểu chú thích:**

**1. Tác giả:** Nam Cao (Sgk/45).

#### **2. Tác phẩm:**

- **Xuất xứ:** Trích tác phẩm “Lão Hạc”.
- **Thể loại:** Truyện ngắn.
- **PTBD:** Tự sự, miêu tả, biểu cảm.
- **Bố cục:** 3 phần.

#### **II. Đọc – Hiểu văn bản:**

##### **1. Nhân vật lão Hạc:**

##### **a. Tâm trạng của “Lão Hạc” sau khi bán cậu Vàng:**

- cười như mếu, đôi mắt ầng ậng nước...
- mặt co rúm, ép nước mắt trào ra ...
- lão hu hu khóc...
- > **Đau khổ tột cùng.**
- nó trách tôi, lão đối xử với tôi như thế này à? ...
- đánh lừa một con chó, nở tâm lừa nó! ...

-> **Xót xa, ân hận, dằn vặt.**

=> **Nhân hậu, trung thực.**

##### **b. Việc làm của lão Hạc trước khi chết:**

- gửi ông giáo giữ hộ ba sào vườn cho con trai, 30 đồng để lo hộ đám tang cho mình ...
- lão chế tạo được món gì ăn món ấy ...
- từ chối mọi sự giúp đỡ ...
- > **Thương con hết mực, giàu đức hi sinh, giàu lòng tự trọng.**

##### **c. Cái chết của lão Hạc:**

- đầu tóc rũ rượi, quần áo xộc xệch, hai mắt long sòng sọc ...

- lão tru tréo, bọt mép sùi ra, giật mạnh...
- lão vật vã đến hai giờ đồng hồ rồi mới chết...
- cái chết thật là dữ dội.

**-> Chọn cái chết để giữ tròn thiên lương trong sáng.**

(cách kể chuyện tự nhiên, miêu tả đặc sắc, tình huống truyện bất ngờ)

**=> Lời tố cáo mạnh mẽ xã hội thực dân phong kiến đương thời đã đẩy người nông dân đến bước đường cùng.**

## **2. Nhân vật ông giáo:**

- Luôn dành tình yêu thương, trân trọng đối với người nông dân.
- Gửi lại những tư tưởng, triết lí nhân văn sâu sắc.

**-> Ông giáo là người hiểu đời, hiểu người, chan chứa tình yêu thương và không mất niềm tin vào những điều tốt đẹp ở con người.**

**III. Tổng kết:** Ghi nhớ (Sgk/48).

## **IV. Luyện tập: (Hs trả lời miệng phần trắc nghiệm).**

**Câu 1: Tác phẩm “Lão Hạc” được viết theo thể loại nào?**

- A. Truyện ngắn.
- B. Truyện vừa.
- C. Truyện dài.
- D. Tiểu thuyết.

**Câu 2: Nhận định nào nói đúng nhất ý nghĩa cái chết của “Lão Hạc”?**

- A. Thể hiện tính tự trọng và quyết tâm không rơi vào con đường tha hóa của một người nông dân.
- B. Gián tiếp tố cáo xã hội thực dân phong kiến đã đẩy người nông dân vào hoàn cảnh khốn cùng.
- C. Là bằng chứng cảm động về tình phụ tử mộc mạc, giản dị nhưng cao quý vô ngần.
- D. Cả A, B, C đều đúng.

**Câu 3: Trong tác phẩm “Lão Hạc”, vì sao lão Hạc phải bán cậu Vàng?**

- A. Vì lão sợ kẻ trộm đánh bả.
- B. Vì nuôi con chó sẽ phải tiêu vào tiền của con.
- C. Để lấy tiền gửi cho con.
- D. Vì lão không muốn nuôi con chó nữa.

## **V. Bài tập vận dụng: (Khuyến khích HS làm sẽ được cộng điểm).**

Qua truyện ngắn “Lão Hạc”, em hãy viết đoạn văn ngắn (khoảng 8 dòng) nêu suy nghĩ của em về tình yêu thương con của lão Hạc.

## **VI. Bài tập mở rộng: (Khuyến khích HS làm sẽ được cộng điểm).**

Em hãy sưu tầm những bài thơ, bài ca dao hoặc danh ngôn ngợi ca tình cha con.

## **Tiết 15: TỪ NGỮ ĐỊA PHƯƠNG VÀ BIỆT NGỮ XÃ HỘI**

### **I. Từ ngữ địa phương.**

#### **1. Ví dụ:** Sgk/56.

- Ngô: từ toàn dân.
- > Vì được sử dụng rộng rãi, phổ biến toàn dân.
- Bắp, bẹ: từ địa phương.
- > Những từ này chỉ sử dụng ở một (hoặc một số) địa phương nhất định.

#### **2. Ghi nhớ:** Sgk/56.

### **II. Biệt ngữ xã hội.**

#### **1. Ví dụ:** Sgk/57.

**a. Mẹ, mợ:** hai từ đồng nghĩa cùng chỉ một đối tượng (người phụ nữ sinh ra mình).

- Mẹ: từ toàn dân.
- Mợ: biệt ngữ xã hội (tầng lớp trung lưu và thượng lưu trước Cách mạng tháng Tám thường dùng).

**b. Ngỗng, trúng tủ:** biệt ngữ xã hội.

- Ngỗng: điểm 2.
- Trúng tủ: đúng vào bài đã thuộc, đã chuẩn bị kĩ.
- > Tầng lớp học sinh, sinh viên quen dùng.

#### **2. Ghi nhớ:** Sgk/57.

### **III. Sử dụng từ ngữ địa phương và biệt ngữ xã hội.**

#### **1. Ví dụ:** Sgk/57,58.

- Cần chú ý đến hoàn cảnh và đối tượng giao tiếp. Không nên lạm dụng từ ngữ địa phương và biệt ngữ xã hội.
- Trong thơ văn, dùng để tô đậm màu sắc địa phương, tầng lớp xã hội, tính cách nhân vật ...

#### **2. Ghi nhớ:** Sgk/58.

## **IV. Luyện tập: (Khuyến khích học sinh làm bài sẽ được cộng điểm).**

**Bài 1: Sgk/58.** Tìm một số từ ngữ địa phương và nêu từ toàn dân tương ứng.

| Từ ngữ địa phương | Từ ngữ toàn dân |
|-------------------|-----------------|
| Chén              | Bát             |

|     |     |
|-----|-----|
| Mô  | Đâu |
| Mần | Làm |
| Má  | Mẹ  |

### **Bài 2: Sgk/59.**

- Tìm một số biệt ngữ xã hội.
- Vd: xoi gậy, ăn ngỗng, phao...
- Học gạo: cắm đầu vào học không chú ý đến việc gì khác để đạt mục đích (cốt để thi đỗ)
- Cậu ấm: người con trai được yêu quý, chiều chuộng.

### **Bài 3: Sgk/59.**

- Xác định các trường hợp dùng (không dùng) từ ngữ địa phương.
- Nên dùng: a
- Không nên dùng: b, c, d, e, g.

### **Bài 4: Sgk/59.**

- Sưu tầm một số câu thơ, ca dao, hò, vè của địa phương em (hoặc của địa phương khác) có sử dụng từ ngữ địa phương.

## **Tiết 16 : LIÊN KẾT CÁC ĐOẠN VĂN TRONG VĂN BẢN.**

### **I. Tác dụng của việc liên kết các đoạn văn trong văn bản.**

**Ví dụ:** Sgk/50,51.

- (1) Hai đoạn văn rời rạc, thiếu liên kết.
- (2) “Trước đó mấy hôm” liên kết thời gian, hai đoạn văn mạch lạc hơn.
- > Liên kết làm cho quan hệ các đoạn văn chặt chẽ, mạch lạc.

### **II. Cách liên kết các đoạn văn trong văn bản.**

#### **1. Dùng từ ngữ để liên kết các đoạn văn.**

**Ví dụ:** Sgk/51,52.

- Quan hệ liệt kê: Trước hết, đầu tiên, thoạt đầu ...
- Quan hệ đối lập: nhưng, trái lại, vậy mà, song ...
- Chỉ từ, đại từ: Trước đó, này, đó, kia,...
- Quan hệ tổng kết: như vậy, nhìn chung, tóm lại,...

#### **2. Dùng câu nối để liên kết các đoạn văn.**

**Ví dụ:** Ái dà, lại còn chuyện đi học nữa cơ đấy!

-> Tác dụng liên kết: nhắc lại nội dung đoạn trước, gợi mở nội dung đoạn sau.

**3. Ghi nhớ:** Sgk/53.

**III. Luyện tập:** (Khuyến khích học sinh làm bài sẽ được cộng điểm).

**Bài 1: Sgk/53,54.**

- a. Nói như vậy -> quan hệ suy luận giải thích.
- b. Thế mà -> quan hệ tương phản.
- c. cũng -> liệt kê, tăng tiến; tuy nhiên -> đối lập, tương phản.

**Bài 2: Sgk/54,55.**

- a. Từ đó.
- b. Nói tóm lại.
- c. Tuy nhiên.
- d. Thật khó trả lời.

..... Chúc các em học tốt! .....

## **TIẾT 4: Học hát: *Lí đĩa bánh bò*** **Dân ca Nam Bộ**

### **I. MỤC TIÊU:**

- Hát đúng giai điệu bài hát “*Lí đĩa bánh bò*”
- HS có thêm kiến thức về dân ca và thể loại lí
- Hs biết trình bày qua cách hát tập thể, hoà giọng , lĩnh xướng.

### **II. YÊU CẦU - HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC:**

- HS biết bài hát Lí đĩa bánh bò là 1 bài dân ca Nam Bộ.
- HS hiểu và biết thêm về dân ca Nam Bộ, hát đúng giai điệu, lời ca và thể hiện được tính chất vui tươi của bài hát.
- Lòng yêu nước, trân trọng, gìn giữ những nét văn hoá tốt đẹp mà cha ông đã để lại.

### **III. NỘI DUNG:**

#### **1. Giới thiệu:**

##### **\* Lí**

-Lí là những ca khúc ngắn gọn ,súc tích, cấu trúc mạch lạc thường được hình thành từ những câu thơ lục bát.

Bài Lí đĩa bánh bò được hình thành từ hai câu thơ lục bát:

“ Hai tay bưng đĩa bánh bò

Giấu cha ,giấu mẹ cho trò đi thi “

Bài hát với giai điệu vui tươi, lời ca hóm hỉnh.....

##### **\* Bài hát**

- Viết nhịp 2/4- Giọng Cdur
- Kí hiệu : Nhắc lại, khung thay đổi
- Nd: Hình ảnh 1 cô gái dấu cha dấu mẹ đem dĩ bánh bò cho anh học trò nghèo đi thi

## 2. Học hát :

Nghe hát mẫu : <https://www.youtube.com/watch?v=quktRUaNWAA>

Hoàn thiện bài : <https://www.youtube.com/watch?v=BbOxddF1miI>

## 3. Hoạt động tìm tòi mở rộng

- Vì sao chúng ta phải yêu quý các làn điệu dân ca?
- Bản thân em cần phải làm gì để phát triển dân ca?
- *HSTL*: Luôn trân trọng và có ý thức giữ gìn các làn điệu dân ca Việt Nam.
  - Đặt lời mới theo điệu Lí đĩa bánh bò với chủ đề: Học tập, mái trường, thầy cô,...
  - Yêu gia đình, quê hương, đất nước.

\*\*\* Lời mới :

\* Quê hương hai tiếng í a sáng ngời. Chúng em gắng học thi đua quyết tiến thán ngày mong ước lớn khôn xây đời ì í ì ì đời tình tính tang tang là đời là đời mai sau í ì ì í ì..

\* Lan chanh bung chén í a bánh canh. Hóa ra bát chè, cháo ôi nóng quá, vấp phải hòn đá bắn tung ra nhà. Vì chân í a đôi dày, tình tính tang tang là giày là dày cao cao khiến tôi té nhào.

## IV.DẶN DÒ:

- Hát thuộc, đúng sắc thái giai điệu của bài tập động tác phụ họa cho bài hát.
- Viết lời mới theo chủ đề tự chọn bài nào tốt lấy điểm miệng hoặc 15 phút.
- Chuẩn bị bài mới:
- Đọc trước nhạc lí, chép, xác định tên nốt bài TĐN số 2.

**HẾT**

# Chủ đề: PHONG TRÀO CÔNG NHÂN CUỐI TK XVIII ĐẾN ĐẦU TK XX

## I. PHONG TRÀO CÔNG NHÂN CUỐI TK XVIII ĐẾN ĐẦU THẾ KỶ XX (tuần 4)

\* **Nguyên nhân:** Nền kinh tế TBCN phát triển mạnh, giai cấp công nhân bị bóc lột nặng nề -> *đấu tranh giai cấp bùng nổ mạnh mẽ.*

\* **TIÊU BIỂU:**

| Thời gian     | Hình thức đấu tranh hoặc tên phong trào | Kết quả - ý nghĩa                                                                                                                                                                                   |
|---------------|-----------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Cuối TK XVIII | Đập phá máy móc, đốt công xưởng.        | Đều thất bại                                                                                                                                                                                        |
| Đầu XIX       | Bãi công đòi tăng lương, giảm giờ làm.  | => thành lập nhiều tổ chức công đoàn                                                                                                                                                                |
| 1831          | Phong trào công nhân Lion ở Pháp        | Các cuộc đấu tranh đều bị thất bại                                                                                                                                                                  |
| 1844          | Phong trào công nhân Sơ lê đin ở Đức    | => nhưng đánh dấu sự trưởng thành của phong trào công nhân quốc tế, tạo điều kiện cho sự ra đời của lý luận CM sau này                                                                              |
| 1836-1847     | Phong trào công nhân Hiến chương ở Anh  |                                                                                                                                                                                                     |
| 1905 – 1907   | Cách mạng Nga                           | - Làm lung lay chế độ Nga Hoàng và bọn Tư sản<br>- Là bước chuẩn bị cho cách mạng XHCN sẽ diễn ra vào năm 1917.<br>- Cổ vũ mạnh mẽ phong trào giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa và phụ thuộc. |

## II. SỰ RA ĐỜI CỦA CHỦ NGHĨA MÁC VÀ CÁC TỔ CHỨC QUỐC TẾ (tuần 5)

- Mác và Ăng-ghen: sgk/30-31

- Lê -nin: sgk / 48
- Mác và Ăng-ghe-nhê thành lập chính đảng đầu tiên của vô sản quốc tế: Đồng minh những người cộng sản. Tháng 2-1848, công bố **Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản**.
- 1864 - 1876: **Quốc tế thứ nhất được thành lập**, Mác là linh hồn của tổ chức, thể hiện vai trò lãnh đạo, thúc đẩy phong trào công nhân quốc tế phát triển
- 1889 - 1914: **Ăng – ghen** thành lập **Quốc tế thứ hai**, thông qua các nghị quyết quan trọng: thành lập chính Đảng, đấu tranh giai cấp, biểu dương vô sản thế giới.....
- 1903, Lê Nin thành lập Đảng Công nhân xã hội dân chủ Nga (Đảng vô sản kiểu mới ở Nga ): thông qua cương lĩnh cách mạng lật đổ chính quyền tư sản, xây dựng xã hội chủ nghĩa.
- Cao trào cách mạng 1918-1923 bùng nổ mạnh mẽ, nhiều Đảng cộng sản thành lập ở Đức (1918 ), Hungary (1918), Pháp (1920), Anh (1920),...
- 1919 - 1943, **Lenin và Đảng Bôn-sê-vích Nga** đã thành lập **Quốc tế cộng sản** tại Mát-xcơ-va, với vai trò: thống nhất và phát triển phong trào cách mạng thế giới.

=> Sự ra đời của các tổ chức quốc tế đã tạo điều kiện cho phong trào cách mạng thế giới phát triển mạnh mẽ, theo định hướng vô sản.

## NỘI DUNG GHI BÀI MÔN TIN HỌC LỚP 8 TUẦN 4 (27/9 → 02/10)

### BÀI 3: CHƯƠNG TRÌNH MÁY TÍNH VÀ DỮ LIỆU

#### TÓM TẮT NỘI DUNG BÀI HỌC

- NNLT Pascal phân chia dữ liệu thành nhiều kiểu khác nhau. **Trong đó có các kiểu dữ liệu đơn giản thường gặp sau :**

| Từ khóa | Tên kiểu dữ liệu             | Phạm vi giá trị                                |
|---------|------------------------------|------------------------------------------------|
| Byte    | Số nguyên nhỏ                | 0 đến 255                                      |
| Integer | Số nguyên(trung bình)        | -32768 đến 32767                               |
| Longint | Số nguyên (lớn)              | $-2^{31}$ đến $2^{31} - 1$                     |
| Real    | Số thực(thập phân)           | $1.5 \times 10^{-45}$ đến $3.4 \times 10^{38}$ |
| Char    | Một kí tự trong bảng chữ cái |                                                |
| String  | Xâu kí tự                    | tối đa 255 kí tự                               |

- Các phép toán với kiểu dữ liệu số

| Kí hiệu | Phép toán                                    |
|---------|----------------------------------------------|
| +       | Cộng                                         |
| -       | Trừ                                          |
| *       | Nhân                                         |
| /       | Chia                                         |
| Div     | Chia lấy phần nguyên(chỉ dùng cho số nguyên) |
| Mod     | Chia lấy phần dư(chỉ dùng cho số nguyên)     |

- Các biểu thức viết trong Pascal chỉ có dấu ngoặc ( ) , không có dấu ngoặc khác.
- Các phép so sánh : < > = <= >= <> (khác).
- Câu lệnh viết ra màn hình(đen)

Cú pháp : **write(‘ thông báo ‘ , tính toán, giá trị của biến ) ;**

Writeln như write nhưng sẽ đưa con trỏ xuống đầu dòng phía dưới

- Câu lệnh nhập giá trị vào biến (từ màn hình đen)

Cú pháp : **Readln(các biến);**

**Readln** ; là lệnh dừng màn hình(đen) chờ nhấn Enter mới tiếp tục

**Delay(a)** ; dừng màn hình(đen) trong thời gian a phần ngàn giây

BÀI

3

## CHƯƠNG TRÌNH MÁY TÍNH VÀ DỮ LIỆU



☑ Một số kiểu dữ liệu cơ bản trong ngôn ngữ lập trình.

☑ Tương tác người-máy.

Bằng những hiểu biết toán học thông thường, em có thể dễ dàng xác định được các phép toán sau có nghĩa hay không có nghĩa:

a)  $5.1 > 5$

b)  $4 + 7$

c) 20 - "Giai điệu tự hào"

d)  $6.5 \bmod 3$ .

Các ví dụ trên cho thấy, các phép toán số học như cộng, trừ, nhân, chia hoặc phép so sánh có thể được thực hiện với các số. Một số phép toán số học khác chỉ thực hiện được với các số nguyên như phép lấy phần dư, phép chia lấy phần nguyên. Những nguyên tắc kiểu như vậy cũng được quy định một cách chặt chẽ trong các ngôn ngữ lập trình.

### 1 Dữ liệu và kiểu dữ liệu

Em đã biết máy tính là công cụ xử lý thông tin, còn chương trình chỉ dẫn cho máy tính cách thức xử lý thông tin để có kết quả mong muốn. Thông tin rất đa dạng nên dữ liệu trong máy tính cũng rất khác nhau về bản chất. Để dễ dàng quản lý và tăng hiệu quả xử lý, các ngôn ngữ lập trình thường phân chia dữ liệu thành các kiểu khác nhau: chữ, số nguyên, số thập phân,...

**Ví dụ 1.** Hình 1.18 dưới đây minh họa kết quả thực hiện của một chương trình: in ra màn hình với các kiểu dữ liệu quen thuộc là chữ và số.

Dòng chữ — Chào các bạn  
Phép toán với các số —  $2007 + 5123 = 7130$   
                               $1727.5 \text{ chia } 3 \text{ bằng } 642.50000$

Hình 1.18

Các kiểu dữ liệu thường được xử lý theo các cách khác nhau. Chẳng hạn, ta có thể thực hiện các phép toán số học với các số, nhưng với các kí tự hay xâu kí tự thì các phép toán đó không có nghĩa.

Các ngôn ngữ lập trình định nghĩa sẵn một số kiểu dữ liệu cơ bản. Kiểu dữ liệu xác định miền giá trị có thể của dữ liệu và các phép toán có thể thực hiện trên các dữ liệu đó. Dưới đây là một số kiểu dữ liệu thường dùng nhất:

- **Số nguyên**, ví dụ số học sinh của một lớp, số sách trong thư viện,...
- **Số thực**, ví dụ chiều cao của bạn Bình, điểm trung bình môn Toán,...
- **Kí tự** là một chữ, chữ số hay kí hiệu đặc biệt khác, ví dụ "a", "A", "+", "1" (chữ số 1, khác với số nguyên 1), " " (kí tự trống),... Trong đa số các trường hợp, kí tự thường là một "chữ cái" của ngôn ngữ lập trình.
- **Xâu kí tự** (hay **xâu**) là dãy các "chữ cái" lấy từ bảng chữ cái của ngôn ngữ lập trình, ví dụ: "Chao cac ban", "Lop 8E", "2/9/1945"...

Trong các ngôn ngữ lập trình, dữ liệu kiểu số nguyên còn được phân chia tiếp thành các kiểu nhỏ hơn theo các phạm vi giá trị khác nhau, dữ liệu kiểu số thực còn có thể được phân chia thành các kiểu có độ chính xác (số chữ số thập phân) khác nhau.

Ngoài các kiểu nói trên, mỗi ngôn ngữ lập trình cụ thể còn định nghĩa nhiều kiểu dữ liệu khác. Số các kiểu dữ liệu và tên kiểu dữ liệu trong mỗi ngôn ngữ lập trình có thể khác nhau.

**Ví dụ 2.** Bảng 1.1 dưới đây liệt kê một số kiểu dữ liệu cơ bản của ngôn ngữ lập trình Pascal:

| Tên kiểu dữ liệu | Phạm vi giá trị                                                                                   |
|------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Byte             | Các số nguyên từ 0 đến 255                                                                        |
| Integer          | Số nguyên trong khoảng -32768 đến 32767                                                           |
| real             | Số thực có giá trị tuyệt đối trong khoảng $1,5 \times 10^{-45}$ đến $3,4 \times 10^{38}$ và số 0. |

|        |                                 |
|--------|---------------------------------|
| char   | Một kí tự trong bảng chữ cái    |
| String | Xâu kí tự, tối đa gồm 255 kí tự |

Bảng 1.1

Trong Pascal, để chỉ rõ cho chương trình dịch hiểu dãy chữ số là kiểu xâu, ta phải đặt dãy số đó trong cặp dấu nháy đơn. Ví dụ '5324', '863'.

## 2 Các phép toán với dữ liệu kiểu số

Trong mọi ngôn ngữ lập trình ta đều có thể thực hiện các phép toán số học cộng, trừ, nhân và chia với các số nguyên và số thực.

Chẳng hạn, bảng dưới đây là kí hiệu của các phép toán số học đó trong ngôn ngữ Pascal:

| Kí hiệu | Phép toán            | Kiểu dữ liệu       |
|---------|----------------------|--------------------|
| +       | cộng                 | số nguyên, số thực |
| -       | trừ                  | số nguyên, số thực |
| *       | nhân                 | số nguyên, số thực |
| /       | chia                 | số nguyên, số thực |
| div     | chia lấy phần nguyên | số nguyên          |
| mod     | chia lấy phần dư     | số nguyên          |

Bảng 1.2

Chúng ta đã quen thuộc với các phép toán cộng, trừ, nhân và chia. Tuy nhiên, cần lưu ý hầu hết các ngôn ngữ lập trình đều xem kết quả chia hai số  $n$  và  $m$  (tức là  $n/m$ ) là số thực, cho dù  $n$  và  $m$  là các số nguyên và  $n$  chia hết cho  $m$ .

Dưới đây là các ví dụ về phép chia, phép chia lấy phần nguyên và phép chia lấy phần dư:

$$\begin{aligned} 5/2 &= 2.5; & -12/5 &= -2.4. \\ 5 \text{ div } 2 &= 2; & -12 \text{ div } 5 &= -2 \\ 5 \text{ mod } 2 &= 1; & -12 \text{ mod } 5 &= -2 \end{aligned}$$

Sử dụng dấu ngoặc, ta có thể kết hợp các phép tính số học nói trên để có các biểu thức số học phức tạp hơn. Sau đây là một số ví dụ về biểu thức số học và cách viết chúng trong ngôn ngữ lập trình Pascal:

Chúng ta đã quen thuộc với các phép toán cộng, trừ, nhân và chia. Tuy nhiên, cần lưu ý hầu hết các ngôn ngữ lập trình đều xem kết quả chia hai số  $n$  và  $m$  (tức là  $n/m$ ) là số thực, cho dù  $n$  và  $m$  là các số nguyên và  $n$  chia hết cho  $m$ .

Dưới đây là các ví dụ về phép chia, phép chia lấy phần nguyên và phép chia lấy phần dư:

$$\begin{aligned} 5/2 &= 2.5; & -12/5 &= -2.4. \\ 5 \text{ div } 2 &= 2; & -12 \text{ div } 5 &= -2 \\ 5 \text{ mod } 2 &= 1; & -12 \text{ mod } 5 &= -2 \end{aligned}$$

Sử dụng dấu ngoặc, ta có thể kết hợp các phép tính số học nói trên để có các biểu thức số học phức tạp hơn. Sau đây là một số ví dụ về biểu thức số học và cách viết chúng trong ngôn ngữ lập trình Pascal:

| Biểu thức số học                          | Cách viết trong Pascal                      |
|-------------------------------------------|---------------------------------------------|
| $a \times b - c + d$                      | $a*b - c + d$                               |
| $15 + 5 \times \frac{a}{2}$               | $15 + 5 * (a/2)$                            |
| $\frac{x+5}{a+3} - \frac{y}{b+5} (x+2)^2$ | $(x+5) / (a+3) - y / (b+5) * (x+2) * (x+2)$ |

Chú ý rằng khi viết các biểu thức toán, để dễ phân biệt, ta có thể dùng các cặp dấu ngoặc đơn ( và ), dấu ngoặc vuông [ và ], dấu ngoặc nhọn { và } để gộp các phép toán, nhưng trong các ngôn ngữ lập trình chỉ được sử dụng *dấu ngoặc đơn* cho mục đích này.

Ví dụ, biểu thức  $\frac{(a+b)(c-d)+6}{3} - a$  khi viết trong Pascal sẽ có dạng:

$$((a+b) * (c-d) + 6) / 3 - a$$

### 3 Các phép so sánh

Ngoài các phép toán số học, ta còn thường *so sánh* các số.

Khi viết chương trình, để so sánh dữ liệu (số, biểu thức,...) chúng ta sử dụng các kí hiệu do ngôn ngữ lập trình quy định.

Kí hiệu các phép toán và phép so sánh có thể khác nhau, tùy theo từng ngôn ngữ lập trình.

Bảng 1.3 dưới đây cho biết các kí hiệu của các phép so sánh trong ngôn ngữ Pascal:

| Phép so sánh      | Kí hiệu Toán học | Kí hiệu trong Pascal | Ví dụ trong Pascal |
|-------------------|------------------|----------------------|--------------------|
| Bằng              | =                | =                    | 5 = 5              |
| Khác              | ≠                | <>                   | 6 <> 5             |
| Nhỏ hơn           | <                | <                    | 3 < 5              |
| Nhỏ hơn hoặc bằng | ≤                | <=                   | 5 <= 6             |
| Lớn hơn           | >                | >                    | 9 > 6              |
| Lớn hơn hoặc bằng | ≥                | >=                   | 9 >= 6             |

Bảng 1.3

Kết quả của phép so sánh chỉ có thể là *đúng* hoặc *sai*. Ví dụ, phép so sánh  $9 > 6$  cho kết quả đúng,  $10 = 9$  cho kết quả sai hoặc  $5 < 3$  cũng cho kết quả sai,...

Để so sánh giá trị của hai biểu thức, chúng ta cũng sử dụng một trong các kí hiệu toán học ở bảng 1.3. Ví dụ:

$$5 \times 2 = 9; \quad 15 + 7 > 20 - 3; \quad 5 + x \leq 10$$

Kết quả so sánh thứ nhất là sai ( $10 = 9$ ), còn kết quả so sánh thứ hai ( $22 > 17$ ) là đúng. Kết quả so sánh thứ ba ( $5 + x \leq 10$ ) đúng hoặc sai lại phụ thuộc vào giá trị cụ thể của  $x$ .

#### 4 Giao tiếp người - máy tính

Trong khi thực hiện chương trình máy tính, con người thường có nhu cầu can thiệp vào quá trình tính toán, thực hiện việc kiểm tra, điều chỉnh, bổ sung. Ngược lại, máy tính cũng cho thông tin về kết quả tính toán, thông báo, gợi ý,... Quá trình trao đổi dữ liệu hai chiều như thế thường được gọi là giao tiếp hay tương tác giữa người và máy tính. Với các máy tính cá nhân, tương tác người-máy thường được thực hiện nhờ các thiết bị chuột, bàn phím và màn hình. Dưới đây là một số trường hợp tương tác người-máy.

##### a) Thông báo kết quả tính toán

Thông báo kết quả tính toán là yêu cầu đầu tiên đối với mọi chương trình. Ví dụ, câu lệnh Pascal

```
write('Diện tích hình tròn là ',X);
```

in kết quả tính diện tích hình tròn ra màn hình như hình 1.19 dưới đây:

Hình 1.19

Diện tích hình tròn là 49.35\_

##### b) Nhập dữ liệu

Một trong những tương tác thường gặp là chương trình yêu cầu nhập dữ liệu. Chương trình sẽ tạm ngừng để chờ người dùng "nhập dữ liệu" từ bàn phím hay bằng chuột. Hoạt động tiếp theo của chương trình sẽ tùy thuộc vào dữ liệu được nhập vào.

Ví dụ, chương trình yêu cầu nhập năm sinh từ bàn phím. Khi đó ta cần nhập một số tự nhiên ứng với năm sinh. Sau khi nhấn phím **Enter** để xác nhận, chương trình sẽ tiếp tục hoạt động.

Hình 1.20

Bạn hay nhập năm sinh NS =

Hai câu lệnh Pascal dưới đây sẽ cho kết quả như hình 1.20:

```
write('Bạn hay nhập năm sinh NS =');  
read(NS);
```

##### c) Tạm ngừng chương trình

Có hai chế độ tạm ngừng của chương trình: Tạm ngừng trong một khoảng thời gian nhất định và tạm ngừng cho đến khi người dùng nhấn phím.

**Ví dụ 3.** Giả sử trong chương trình Pascal có các câu lệnh sau:

```
Writeln('Cac ban cho 2 giay nhe...');  
Delay(2000);
```

Sau khi ghi ra màn hình dòng chữ "Cac ban cho 2 giay nhe...", chương trình sẽ tạm ngừng trong 2 giây, sau đó mới thực hiện tiếp.

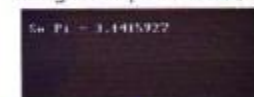


Hình 1.21

**Ví dụ 4.** Khi chạy đoạn chương trình Pascal có các câu lệnh

```
writeln('So Pi = ', Pi);  
readln;
```

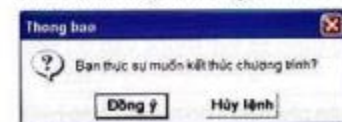
Sau khi thông báo kết quả tính số  $\pi$ , chương trình sẽ tạm ngừng chờ người dùng nhấn phím **Enter**, rồi mới thực hiện tiếp.



Hình 1.22

#### d) Hộp thoại

Một số môi trường lập trình cho phép sử dụng hộp thoại như một công cụ giao tiếp người-máy tính trong khi chạy chương trình. Ví dụ, khi người dùng muốn thoát khỏi một chương trình đang chạy, hộp thoại như sau có thể xuất hiện:



Hình 1.23

Khi đó, nếu nhấp chuột vào nút **Đồng ý**, chương trình sẽ kết thúc, còn nhấp nút **Hủy lệnh**, chương trình vẫn tiếp tục như bình thường.



## CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP

1. Hãy nêu ít nhất hai kiểu dữ liệu và một phép toán có thể thực hiện được trên một kiểu dữ liệu, nhưng phép toán đó không có nghĩa trên kiểu dữ liệu kia.
2. Dãy chữ số 2017 có thể thuộc những kiểu dữ liệu nào?
3. Cho hai xâu kí tự "Lớp" và "BA". Hãy thử định nghĩa một "phép toán" có thể thực hiện được trên hai xâu kí tự đó.

4. Hãy phân biệt ý nghĩa của các câu lệnh Pascal sau đây:

`Writeln('5+20=', '20+5');` và `Writeln('5+20=', 20+5);`

Hai lệnh sau có tương đương với nhau không? Tại sao?

`Writeln('100');` và `Writeln(100);`

5. Viết các biểu thức toán dưới đây với các kí hiệu trong Pascal:

a)  $\frac{a}{b} + \frac{c}{d}$ ;

b)  $ax^2 + bx + c$ ;

c)  $\frac{1}{x} - \frac{a}{5}(b+2)$ ;

d)  $(a^2 + b)(1 + a^2)$ .

6. Chuyển các biểu thức được viết trong Pascal sau đây thành các biểu thức toán:

a) `(a+b) * (a+b) - x/y;`

b) `b / (a*a+c);`

c) `a*a / ((2*b+c) * (2*b+c));`

d) `1 + 1/2 + 1/(2*3) + 1/(3*4) + 1/(4*5);`

7. Hãy xác định kết quả của các phép so sánh sau đây:

a)  $15 - 8 \geq 3$ ;

b)  $(20 - 15)^2 \neq 25$ ;

c)  $11^2 = 121$ ;

d)  $x > 10 - 3x$ .

8. Viết các biểu thức ở bài tập 7 theo quy ước của Pascal.

## PHIẾU HỌC TẬP – Tin 8

**Tuần 4 từ 27/9 đến 2/10**

Học sinh làm bài trong phiếu học tập rồi gửi lại cho giáo viên

Họ tên học sinh : .....Lớp : .....

- 1- Em hãy viết các biểu thức sau bằng NNLT Pascal ?

$$(12 \times 5)(23 - 15), \quad 5^3: 2^4, \quad [3^2(24 + 12) - 4^3/3^2]$$

.....

.....

.....

- 2- Em hãy viết lệnh viết ra màn hình(đen) biểu thức sau và kết quả của biểu thức  
 $(86 - 29)(2^3 + 7^2)$

.....

- 3- Em hãy viết toàn bộ chương trình để viết ra màn hình đen 2 thông tin sau:

**Kết quả của biểu thức**

$$(56 + 29)(12 - 7) =$$

Ghi chú : Màn hình đen khi chạy chương trình sẽ có 2 dòng: dòng 1 là câu Kết quả của biểu thức , dòng 2 là biểu thức và kết quả của biểu thức, dừng màn hình chờ nhấn enter.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

## §5. NHỮNG HÀNG ĐẲNG THỨC ĐÁNG NHỚ (tt)

### TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

#### 6. Tổng hai lập phương :

Với A, B là các biểu thức tùy ý, ta có :

$$\boxed{A^3+B^3=(A+B)(A^2-AB+B^2)}$$

Chú ý :  $A^2 - AB + B^2$  gọi là bình phương thiếu của hiệu A và B.

**?**2 Áp dụng :

$$\begin{aligned} \text{a) } & x^3 + 8 \\ &= x^3 + 2^3 \\ &= (x + 2)(x^2 - 2x + 4) \end{aligned}$$

$$\begin{aligned} \text{b) } & (x + 1)(x^2 - x + 1) \\ &= x^3 + 1^3 \\ &= x^3 + 1 \end{aligned}$$

#### 7. Hiệu hai lập phương :

Với A, B là các biểu thức tùy ý ta có :

$$\boxed{A^3-B^3=(A-B)(A^2+AB+B^2)}$$

Chú ý :  $A^2 + AB + B^2$  gọi là bình phương thiếu của tổng A và B

**?**4 Áp dụng :

$$\begin{aligned} \text{a) } & (x - 1)(x^2 + x + 1) \\ &= x^3 - 1^3 \\ &= x^3 - 1 \end{aligned}$$

$$\begin{aligned} \text{b) } & 8x^3 - y^3 \\ &= (2x)^3 - y^3 \\ &= (2x - y)[(2x)^2 + 2xy + y^2] \\ &= (2x - y)(4x^2 + 2xy + y^2) \end{aligned}$$

**Bài 30/16 SGK:** Rút gọn biểu thức

$$\begin{aligned} \text{a) } & (x+3)(x - 3x+9) - (54+x^3) \\ &= x^3 + 27 - 54 - x^3 \\ &= - 27 \end{aligned}$$

$$\begin{aligned} \text{b) } & (2x + y)(4x^2 - 2xy + y^2) - (2x - y)(4x^2 + 2xy + y^2) \\ &= 8x^3 + y^3 - 8x^3 + y^3 \\ &= 2y^3 \end{aligned}$$

**Bài 31 (trang 16 / SGK):**

a) Chứng minh rằng:  $a^3 + b^3 = (a + b)^3 - 3ab(a + b)$

Ta có:  $(a + b)^3 - 3ab(a + b)$

$$= a^3 + 3a^2b + 3ab^2 + b^3 - 3a^2b - 3ab^2$$

$$= a^3 + b^3$$

$$\text{Vậy } a^3 + b^3 = (a + b)^3 - 3ab(a + b)$$

$$\text{b) Tính } a^3 + b^3, \text{ với } ab = 6, a + b = -5,$$

Ta có:

$$a^3 + b^3 = (a + b)^3 - 3ab(a + b) = (-5)^3 - 3.6.(-5) = -35$$

### \* HƯỚNG DẪN TỰ HỌC Ở NHÀ

- Học kĩ hằng đẳng thức. Làm bài tập 30, 32 SGK.

## LUYỆN TẬP

### TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

#### Bài 33 tr 16 SGK :

$$\text{a) } (2 + xy)^2 = 4 + 4xy + x^2y^2$$

$$\text{b) } (5-3x)^2 = 25 - 30x + 9x^2$$

$$\text{c) } (5- x^2)(5 + x^2) = 25 - x^4$$

$$\text{d) } (5x - 1)^3 = 125x^3 - 75x^2 + 15x - 1$$

$$\text{e) } (2x - y)(4x^2 + 2xy + y^2) = 8x^3 - y^3$$

$$\text{f) } (x + 3)(x^2 - 3x + 9) = x^3 + 27$$

#### Bài 35 tr 17 SGK :

$$\text{a) } 34^2 + 66^2 + 68 . 66$$

$$= (34+66)^2$$

$$= 100^2$$

$$= 10000$$

$$\text{b) } 74^2 + 24^2 - 48 . 74$$

$$= (74 - 24)^2$$

$$= 50^2$$

$$= 2500$$

#### Bài 34 tr 17 SGK :

$$\text{a) } (a + b)^2 - (a - b)^2$$

$$= (a+b+a-b)(a + b -a + b)$$

$$= 2a . 2b$$

$$= 4a.b$$

$$\text{b) } (a + b)^3 - (a - b)^3 - 2b^3$$

$$= (a^3 + 3a^2b + 3ab^2 + b^3) - (a^3 - 3a^2b + 3ab^2 - b^3) - 2b^3$$

$$= a^3 + 3a^2b + 3ab^2 + b^3 - a^3 + 3a^2b - 3ab^2 + b^3 - 2b^3$$

$$= 6a^2b$$

$$\text{c) } (x + y + z)^2 - 2(x+y+z)(x + y) + (x+y)^2$$

$$= [x+y+z - x-y]^2$$

$$= z^2$$

### \* HƯỚNG DẪN TỰ HỌC Ở NHÀ

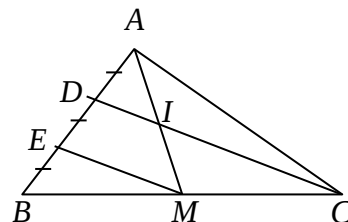
- Học kĩ 7 hằng đẳng thức. Làm bài tập 36, 38 SGK.

## LUYỆN TẬP

### TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

#### • Bài 22/80 SGK

Cho hình vẽ, chứng minh:  $AI = IM$



Ta có :  $DE = EB$  (gt)

$$BM = MC \text{ (gt)}$$

Nên EM là đường trung bình  $\Delta DBC$ .

$$\Rightarrow EM \parallel DC$$

$$\text{Vì } I \in DC \Rightarrow EM \parallel DI$$

Xét  $\Delta AEM$  có :  $AD = DE$  (gt)

$$DI \parallel EM \text{ (cmt)}$$

Nên  $AI = IM$

#### • Bài 27 tr 80 SGK

Cho tứ giác ABCD. Gọi E, F, K theo thứ tự là trung điểm của AD, BC, AC.

a) So sánh các độ dài EK và CD, KF và AB

b) Chứng minh rằng  $EF \leq \frac{AB+CD}{2}$

a) Ta có :  $AE = ED$  (gt)

$$AK = KC \text{ (gt)}$$

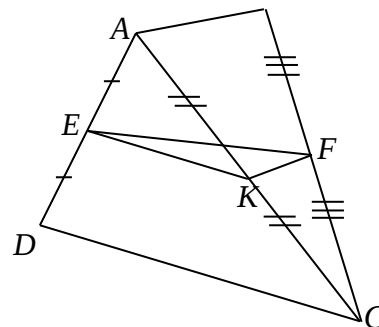
Nên EK là đường trung bình của  $\Delta ADC$ .

$$\text{Do đó } EK = \frac{DC}{2}$$

Ta có :  $AK = KC$  (gt)

$$BF = FC \text{ (gt)}$$

Nên KF là đường trung bình của  $\Delta ABC$ . Do đó  $KF = \frac{AB}{2}$



b) \* E, F, K không thẳng hàng

Xét  $\Delta EFK$  có:

$$EF < EK + KF$$

$$\Rightarrow EF < \frac{CD}{2} + \frac{AB}{2} \quad (1)$$

\* E, F, K thẳng hàng thì  $EF = EK + KF$

$$EF = \frac{CD}{2} + \frac{AB}{2} \quad (2)$$

Từ (1) và (2) ta có :  $EF \leq \frac{AB+CD}{2}$

### III. HƯỚNG DẪN HỌC Ở NHÀ

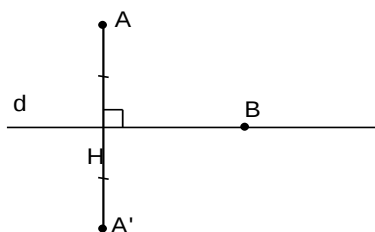
- Học thuộc định nghĩa và tính chất đường trung bình của tam giác và hình thang.
- BTVN: 28 /80SGK, 37, 38/65 SBT

## §6. ĐỐI XỨNG TRỰC

### II. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

#### 1. Hai điểm đối xứng qua một đường thẳng:

\* Định nghĩa : Hai điểm gọi là đối xứng nhau qua đường thẳng  $d$  nếu  $d$  là đường trung trực của đoạn thẳng nối hai điểm đó.



A và A' đối xứng với nhau qua  $d \Leftrightarrow d$  là đường trung trực của đoạn thẳng  $AA'$

Quy ước : Nếu  $B \in d$  thì  $B' \equiv B$

**Bài 36/ trang 87/ SGK:** Cho góc  $xOy$  có số đo  $50^\circ$ , điểm A nằm trong góc đó. Vẽ điểm B đối xứng với A qua Ox, vẽ điểm C đối xứng với A qua Oy.

a) So sánh các độ dài OB và OC

b) Tính số đo góc BOC

a) B đối xứng với A qua Ox

$\Rightarrow$  Ox là đường trung trực của AB

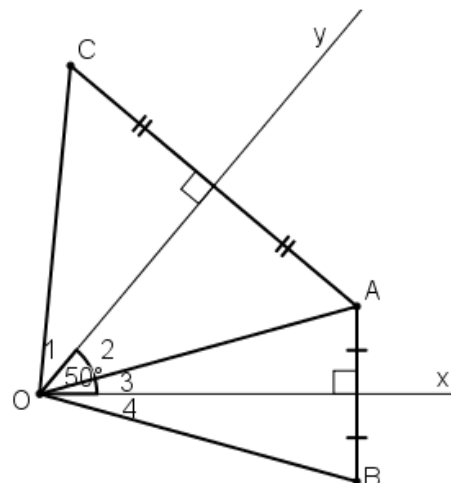
$\Rightarrow OA = OB$  (1)

C đối xứng với A qua Oy

$\Rightarrow$  Oy là đường trung trực của AC

$\Rightarrow OA = OC$  (2)

Từ (1) và (2) suy ra  $OB = OC$



b)  $\Delta OAC$  cân tại O có Oy là đường trung trực

$\Rightarrow$  Oy đồng thời là đường phân giác

$$\Rightarrow O_1 = O_2 \quad (3)$$

$\Delta OAB$  cân tại O có Ox là đường trung trực

$\Rightarrow$  Ox đồng thời là đường phân giác

$$\Rightarrow O_3 = O_4 \quad (4)$$

Từ (3) , (4) và  $\angle BOC = \angle O_1 + \angle O_2 + \angle O_3 + \angle O_4$

Suy ra :  $\angle BOC = 100^\circ$

## **2. Hai hình đối xứng qua một đường thẳng: 84/ SGK**

## **3. Hình có trục đối xứng: 86 / SGK**

### **III. HƯỚNG DẪN HỌC Ở NHÀ**

- Học thuộc các định nghĩa trong bài
- Làm bài tập 35, 39, 40 SGK.

## UNIT 2: MAKING ARRANGEMENTS

### Write

1. Read The message. Then fill in the gaps in the passage that follows with the information.

**Thang Loi Delivery Service**

Date: May 12  
Time: 11.50 am  
For: Mr. Ha  
Message: Mrs. Lien called about her furnitute delivery. She wants you to call her after lunch. Her telephone number is 8 645 141.  
Taken by: Tam

2. Now read the passage below. Write the telephone message in your exercise book.

**Thanh Cong Delivery Service**

Date: *June 16*  
Time: *after midday*  
For: *Mrs. Van*  
Message: *Mr. Nam called about his stationery order. He wants you to call him on 8 634 082.*  
Taken by: *Mr. Toan*

### Language Focus

1. Work with a partner. Say what the people are going to do. Follow the example sentence.

Example:

Nga has a movie ticket.

=> She's going to see a movie.

a) Quang and Nam bought new fishing rods yesterday.

=> They're going fishing.

b) Trang's mother gave her a new novel this morning and she has no homework today.

=> She's going to read it (the new novel).

c) Van has a lot of homework in Math and she is going to have Math at school tomorrow.

=> She's going to do her homework.

d) Mr. Hoang likes action movies very much and there's an interesting action movie on TV tonight.

=> He's going to see/ watch it (the action film on TV) tonight.

e) Hien's friend invited her to his birthday party.

=> She's going to give him a nice birthday present.

2. a) Copy the questionnaire in your exercise book. Add three more activities to the list. Then complete the "you" column with checks (✓) and crosses (X).

b) Now ask your partner what he or she is going to do. Complete the "your partner" column of the questionnaire.

3. Complete the speech bubbles. Use each adverb in the box once.

a)  Where is Tuan?  
I think he's upstairs.

b)  No. He isn't here.

c)  He isn't downstairs  
and he isn't upstairs.

d)  Perhaps he's outside.

e)  No. He isn't there.

f)  I'm not outside.  
I'm inside, Ba.

### EXERCISE (WEEK 4<sup>th</sup>)

**I. Choose the word that has underlined part pronounced differently from the others.**

- |                       |                       |                      |                       |
|-----------------------|-----------------------|----------------------|-----------------------|
| 1. a. plan <u>e</u> t | b. char <u>a</u> cter | c. h <u>a</u> ppy    | d. classm <u>a</u> te |
| 2. a. h <u>u</u> mor  | b. s <u>u</u> n       | c. c <u>u</u> cumber | d. m <u>u</u> sic     |
| 3. a. en <u>o</u> ugh | b. y <u>o</u> ung     | c. c <u>o</u> untry  | d. m <u>o</u> untain  |

**II. Pick out the word whose stress pattern is not the same as that in the rest:**

- |                 |             |              |               |
|-----------------|-------------|--------------|---------------|
| 4. a. agree     | b. conduct  | c. gather    | d. transmit   |
| 5. a. countless | b. generous | c. volunteer | d. commercial |

**III. Choose the most appropriate word or phrase to fill in each blank:**

6. Ms. Hoa's family \_\_\_\_\_ to Da Lat last year.

- |            |           |              |           |
|------------|-----------|--------------|-----------|
| a. entered | b. turned | c. emigrated | d. showed |
|------------|-----------|--------------|-----------|

7. You can find her telephone number in this telephone \_\_\_\_\_.  
a. exhibition      b. device      c. directory      d. novel
8. Bell experimented \_\_\_\_\_ ways of transmitting speech.  
a. with      b. on      c. in      d. at
9. Modern life needs lots of electrical \_\_\_\_\_.  
a. types      b. sorts      c. devices      d. ways
10. Many people don't like to \_\_\_\_\_ experiments on animals.  
a. arrange      b. conduct      c. assist      d. transmit

**IV. Supply the correct word forms:**

11. Bell demonstrated his invention a lot of \_\_\_\_\_. ( exhibit )
12. Lam's \_\_\_\_\_ of books are attractive. ( arrange )
13. Let's go to the \_\_\_\_\_ district this weekend. ( commerce )
14. We are cooking this soup \_\_\_\_\_ ( experiment )
15. There was a break in \_\_\_\_\_ due to a technical fault. ( transmit )

**V. Rewrite the sentences with using “ enough”:**

16. I could go out because it was very warm.  
→ It was \_\_\_\_\_
17. He is quite smart , so he can finish the exercise easily.  
→ He is \_\_\_\_\_
18. She has a lot of money, so she can buy that house.  
→ She has \_\_\_\_\_
19. Do the test carefully. We have plenty of time.  
→ We have \_\_\_\_\_
20. Do you want to pass your examination? Work hard enough!  
→ You have to work \_\_\_\_\_

# PHIẾU HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC

## BÀI 6: ĐƠN CHẤT VÀ HỢP CHẤT – PHÂN TỬ

✱ **Hoạt động 1: Đọc tài liệu và thực hiện các yêu cầu:**

I. Tài liệu nghiên cứu: Sách giáo khoa Hóa học lớp 9, bài 6

### II. Nội dung bài học:

-HS xem hình 1.10, 1.11 trang 22, 23 cho biết tên nguyên tố tạo thành, số lượng nguyên tố tạo nên chất?

#### I. Đơn chất:

##### 1. Định nghĩa:

Đơn chất là những chất tạo nên từ một nguyên tố hóa học

2. VD: Chất khí hiđro tạo nên từ 1 nguyên tố hóa học là nguyên tố hiđro H

-HS xem hình 1.12, 1.13 cho biết tên nguyên tố tạo thành, số lượng nguyên tố tạo nên chất ?

#### II. Hợp chất:

##### 1. Định nghĩa:

Hợp chất là những chất tạo nên từ 2 nguyên tố hóa học trở lên

2. VD: Chất nước tạo nên từ 2 nguyên tố hóa học là nguyên tố hiđro H và nguyên tố oxi O

-Như vậy chất được chia làm 2 loại: đơn chất và hợp chất tùy thuộc vào số lượng nguyên tố tạo nên chất.

-Mỗi hạt hợp thành của một chất thì đồng nhất với nhau về thành phần và hình dạng. Mỗi hạt thể hiện đầy đủ tính chất hóa học của chất, là hạt đại diện cho chất và được gọi là phân tử.

#### III. Phân tử:

##### 1. Định nghĩa:

Phân tử là hạt đại diện cho chất, gồm một số nguyên tử liên kết với nhau và thể hiện đầy đủ tính chất hóa học của chất.

-Ta đã học: khối lượng của 1 nguyên tử bằng đơn vị cacbon gọi là nguyên tử khối. Vậy khi tính khối lượng của 1 phân tử bằng đơn vị cacbon thì khối lượng này gọi là phân tử khối.

##### 2. Phân tử khối:

Phân tử khối là khối lượng của 1 phân tử, tính bằng đơn vị cacbon (đvC)

✱ **Cách tính phân tử khối:** phân tử khối bằng tổng nguyên tử khối của các nguyên tử trong phân tử.

VD: Tính phân tử khối của phân tử:

Nước:  $\text{H}_2\text{O} = 1.2 + 16.1 = 18 \text{ đvC}$

$\text{Al}_2(\text{SO}_4)_3 = 27.2 + (32.1 + 16.4).3 = 342 \text{ đvC}$

**\* Hoạt động 2: Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học:**

| Phiếu học tập số 1                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <p><b>Câu 1:</b> Các chất sau đây là đơn chất hay hợp chất? Vì sao?</p> <ul style="list-style-type: none"><li>a. Nước: tạo nên từ 2 nguyên tố hóa học, là nguyên tố H, O</li><li>b. Muối ăn: tạo nên từ 2 nguyên tố hóa học, là nguyên tố Na, Cl</li><li>c. Khí oxi: tạo nên từ 1 nguyên tố hóa học, là nguyên tố O</li><li>d. Thuốc tím: tạo nên từ 3 nguyên tố hóa học, là nguyên tố K, Mn, O</li><li>e. Đường: tạo nên từ 3 nguyên tố hóa học, là nguyên tố C, H, O</li><li>f. Sắt: tạo nên từ 1 nguyên tố hóa học, là nguyên tố Fe</li></ul> <p><b>Câu 2:</b> Dựa vào bảng 1 trang 42/SGK, em hãy tính phân tử khối của các phân tử sau:</p> <ul style="list-style-type: none"><li>a. Muối ăn NaCl</li><li>b. Khí oxi <math>\text{O}_2</math></li><li>c. Thuốc tím <math>\text{KMnO}_4</math></li><li>d. Đường <math>\text{C}_{12}\text{H}_{22}\text{O}_{11}</math></li><li>e. Khí cacbonic <math>\text{CO}_2</math></li></ul> |
| Trả lời:                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |

---

**Phiếu thu thập thắc mắc của học sinh**

Trường:

Lớp:

Họ tên học sinh

| Môn học | Nội dung học tập | Câu hỏi của học sinh        |
|---------|------------------|-----------------------------|
| Hóa Học |                  | <p>Câu 1:</p> <p>Câu 2:</p> |

## PHIẾU HỌC TẬP

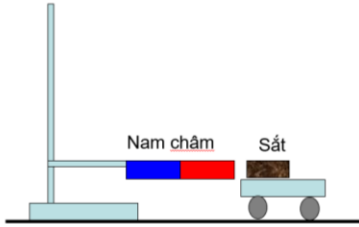
### A. HƯỚNG DẪN TỰ HỌC

Học sinh nghiên cứu tài liệu và hoàn thành phiếu học tập

#### BÀI 4: BIỂU DIỄN LỰC

##### I. ÔN LẠI KHÁI NIỆM LỰC

1. Mô tả thí nghiệm trong hình sau và nêu tác dụng của lực.



.....

.....

.....

.....

2. Mô tả hiện tượng trong hình sau và nêu tác dụng của lực.



.....

.....

.....

.....

Lực được ký hiệu là .....

Đơn vị của lực là .....

##### II. BIỂU DIỄN LỰC

1. Vì sao nói lực là một đại lượng vector?

.....

.....

2. Lực là một đại lượng vector được biểu diễn như thế nào?

.....

.....

.....

.....

.....

.....

3. Vector lực được ký hiệu là .....

Cường độ (độ lớn) của lực được ký hiệu là .....

## B. NỘI DUNG KIẾN THỨC TRỌNG TÂM

### I. ÔN LẠI KHÁI NIỆM LỰC

Lực tác dụng lên một vật có thể làm vật biến đổi chuyển động hoặc biến dạng.

### II. BIỂU DIỄN LỰC

- Một đại lượng vừa có độ lớn vừa có phương và chiều nên gọi lực là **đại lượng véctor**.

- Lực là một **đại lượng véctor**

\* Cách biểu diễn vector lực:

- Lực là một đại lượng véctor được biểu diễn bằng một mũi tên có:

+ Gốc là điểm đặt của lực.

+ Phương và chiều trùng với phương và chiều của lực.

+ Độ dài biểu thị cường độ (độ lớn) của lực theo tỉ xích cho trước.

- Kí hiệu Véctor lực: **F**

- Độ lớn lực: **F (N)**

### C. BÀI TẬP VẬN DỤNG

**Bài 1:** Một vật có khối lượng 5 kg. Biểu diễn vector trọng lực. ( tỉ xích 0,5cm ứng với 10N)

Trọng lượng:  $P = 10.m = 10.5 = 50 \text{ (N)}$

Điểm đặt: đặt tại tâm của vật

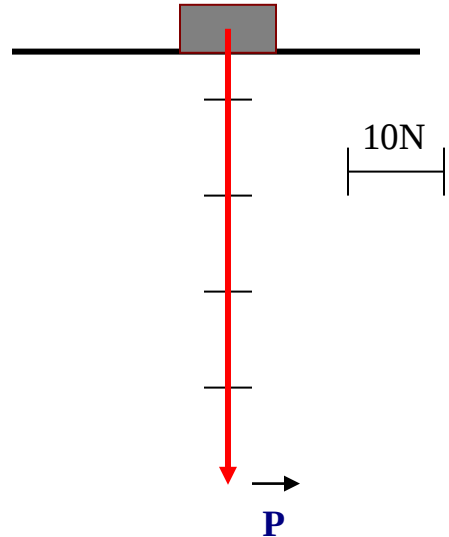
Phương: thẳng đứng

Chiều: từ trên xuống dưới

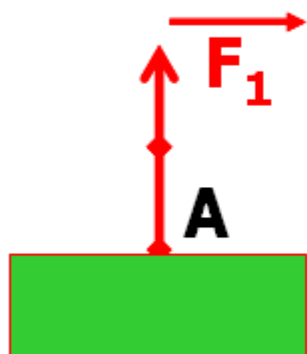
Độ lớn:  $P = 50\text{N}$

**Bài 2:**

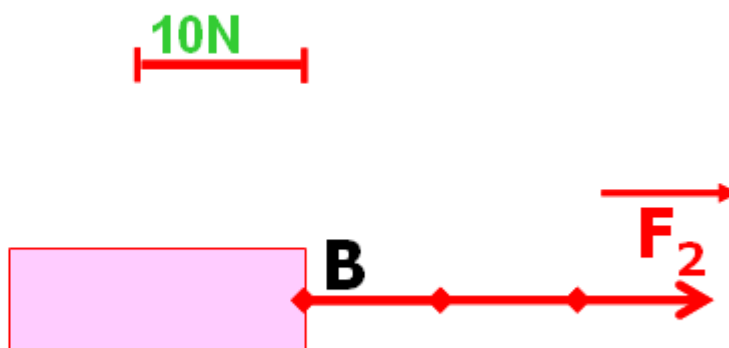
Diễn tả bằng lời các yếu tố của lực trong các hình sau:



H 1



H 2



\* H1:

- + Điểm đặt: tại A
- + Phương: thẳng đứng
- + Chiều từ dưới lên trên
- + Độ lớn :  $F_1 = 20 \text{ N}$

\* H2:

- + Điểm đặt : .....
- + Phương: .....
- + Chiều: .....
- + Độ lớn: .....

**Bài 3:** Biểu diễn lực kéo 15000 N theo phương nằm ngang chiều từ trái sang phải (tỉ xích 1 cm ứng với 5000 N).

.....

.....

.....

.....

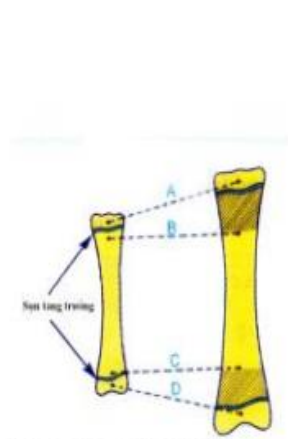
.....

**PHIẾU HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC – TUẦN 4 (27/09/2021 – 02/10/2021)**

| NỘI DUNG                                                          | GHI CHÚ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |
|-------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Tên bài học/ chủ đề                                               | <p align="center"><b>CHỦ ĐỀ: VẬN ĐỘNG – (2)</b><br/> <b>CẤU TẠO VÀ TÍNH CHẤT CỦA XƯƠNG</b></p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
| <p><b>Hoạt động 1: Đọc tài liệu và thực hiện các yêu cầu.</b></p> | <p>- Tài liệu: Sách giáo khoa sinh học 8 trang 28, 29, 30</p> <p><b>I. Cấu tạo của xương</b></p> <p>Học sinh quan sát hình ảnh: Cấu tạo xương dài – Cấu tạo đầu xương dài và đọc đoạn thông tin sau:</p> <div data-bbox="541 634 1188 1222"> </div> <div data-bbox="1220 716 1892 1133" style="border: 1px solid black; padding: 10px;"> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Xương có cấu tạo gồm màng xương, mô xương cứng và mô xương xốp.</li> <li>- Xương dài có cấu trúc hình ống, mô xương xốp ở hai đầu xương, trong xương chứa tủy đỏ là nơi sản sinh hồng cầu, khoang xương chứa tủy đỏ (ở trẻ em) hoặc tủy vàng (ở người lớn).</li> </ul> </div> |

## II. Sự to ra và dài ra của xương

- Tài liệu: Học sinh quan sát hình ảnh và đọc đoạn thông tin sau:



Vai trò của sụn tăng trưởng trong sự dài ra của xương



Sụn tăng trưởng ở xương trẻ em

- Xương lớn lên về bề ngang là nhờ sự phân chia của các tế bào xương
- Xương dài ra nhờ sự phân chia của các tế bào lớp sụn tăng trưởng

## III. Thành phần hóa học và tính chất của xương

Học sinh đọc đoạn thông tin sau:

- Chất vô cơ: muối khoáng (Canxi) → làm cho xương bền chắc
- Chất hữu cơ: cốt giao → đảm bảo tính mềm dẻo

**Hoạt động 2: Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học.**

**Học sinh trả lời các câu hỏi sau đây:**

**Câu 1. Cấu tạo của thân xương lần lượt từ ngoài vào trong gồm?**

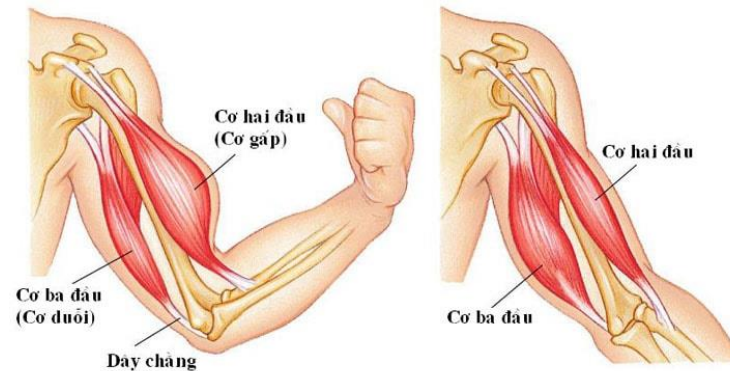
- A. Xương cứng, màng xương và khoang xương
- B. Màng xương, khoang xương và xương cứng
- C. Màng xương, xương cứng và khoang xương
- D. Khoang xương, xương cứng và màng xương

|  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
|--|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|  | <p><b>Câu 2. Tuỷ đỏ trong xương có tác dụng?</b></p> <p>A. Làm cho xương lớn lên về bề dài.</p> <p>B. Sinh hồng cầu.</p> <p>C. Giảm ma sát phía trong xương</p> <p>D. Chịu áp lực bên trong xương.</p> <p><b>Câu 3. Chọn cặp từ thích hợp để điền vào các chỗ trống trong câu sau:</b></p> <p>Xương to ra về bề ngang là nhờ sự phân chia của ...(1)...</p> <p>Xương dài ra nhờ sự phân chia của ...(2)...</p> <p>(1) .....</p> <p>(2) .....</p> <p><b>Câu 4. Sự mềm dẻo của xương có được là nhờ thành phần nào?</b></p> <p>A. Nước</p> <p>B. Chất khoáng</p> <p>C. Chất cốt giao</p> <p>D. Tất cả các phương án đưa ra</p> <p><b>Câu 5. Loại chất khoáng chiếm chủ yếu trong xương là?</b></p> <p>A. Natri</p> <p>B. Photpho</p> <p>C. Kali</p> <p>D. Canxi</p> |
|--|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|

| NỘI DUNG                                                          | GHI CHÚ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
|-------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Tên bài học/ chủ đề                                               | <p align="center"><b>CHỦ ĐỀ: VẬN ĐỘNG – (2)</b><br/> <b>CẤU TẠO VÀ TÍNH CHẤT CỦA CƠ</b></p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
| <p><b>Hoạt động 1: Đọc tài liệu và thực hiện các yêu cầu.</b></p> | <p>- Tài liệu: Sách giáo khoa sinh học 8 trang 32, 33</p> <p><b>I. Cấu tạo bắp cơ và tế bào cơ (HS tự nghiên cứu hình ảnh)</b></p> <div data-bbox="877 488 1522 1068" data-label="Image"> <p align="center"><i>Hình 9-1. Bắp cơ, bó cơ và cấu tạo tế bào cơ</i></p> </div> <p><b>II. Tính chất của cơ</b></p> <p>Học sinh quan sát hình ảnh 9.1 và đọc đoạn thông tin sau:</p> <div data-bbox="527 1203 1875 1419" style="border: 1px solid black; padding: 10px;"> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tính chất của cơ là co và dẫn</li> <li>- Khi tơ cơ mảnh xuyên sâu vào vùng phân bố của tơ cơ dày làm tế bào cơ ngắn lại, đó là sự co cơ</li> <li>- Cơ co khi có kích thích của môi trường và chịu ảnh hưởng của hệ thần kinh.</li> </ul> </div> |

### III. Ý nghĩa của hoạt động cơ cơ

Học sinh quan sát hình ảnh 9.4 và đọc đoạn thông tin sau:



Hình 9.4 Cơ cánh tay và cử động khớp khuỷu tay

**Hoạt động 2: Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học.**

**Học sinh trả lời các câu hỏi sau đây:**

**Câu 1. Cơ có hai tính chất cơ bản, đó là?**

- A. Co và giãn.
- B. Gấp và duỗi.
- C. Phồng và xẹp.
- D. Kéo và đẩy.

**Câu 2. Khi nói về cơ chế co cơ, nhận định nào sau đây là đúng?**

- A. Khi cơ co, tơ cơ dày xuyên sâu vào vùng phân bố của tơ cơ mảnh làm cho tế bào cơ ngắn lại.
- B. Khi cơ co, tơ cơ dày xuyên sâu vào vùng phân bố của tơ cơ mảnh làm cho tế bào cơ dài ra.
- C. Khi cơ co, tơ cơ mảnh xuyên sâu vào vùng phân bố của tơ cơ dày làm cho tế bào cơ dài ra.
- D. Khi cơ co, tơ cơ mảnh xuyên sâu vào vùng phân bố của tơ cơ dày làm cho tế bào cơ ngắn lại.

**Câu 3. Trong cử động gấp cánh tay, các cơ ở hai bên cánh tay sẽ?**

- A. Co duỗi ngẫu nhiên.
- B. Co duỗi đối kháng.

|  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |
|--|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|  | <p>C. Cùng co.<br/>D. Cùng đuổi</p> <p><b>Câu 4. Cơ cơ khi?</b></p> <p>A. Có kích thích của môi trường.<br/>B. Chịu tác động của hệ thần kinh.<br/>C. Tơ cơ xuyên sâu vào vùng phân bố.<br/>D. Cả A và B.</p> <p><b>Câu 5. Hoạt động cơ cơ có ý nghĩa?</b></p> <p>A. Giúp cơ thể di chuyển<br/>B. Giúp cơ thể vận động<br/>C. Con người lao động được<br/>D. Cả A, B và C</p> |
|--|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|

**2. Các câu hỏi thắc mắc, các trở ngại của học sinh khi thực hiện các nhiệm vụ học tập.**

Trường:

Lớp:

Họ tên học sinh:

| Nội dung học tập | Câu hỏi của học sinh            |
|------------------|---------------------------------|
| Chủ đề: ....     | <p>1.<br/>2.<br/>3.<br/>...</p> |